

NGUYÊN LÝ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÔNG

TÀI CHÍNH CÔNG
PGS.TS. SỬ ĐÌNH THÀNH

Nội dung

- Lý thuyết tối đa hóa thỏa dụng (Utility maximization)
- Lý thuyết hiệu quả xã hội (Social Efficiency)
- Hàm phúc lợi xã hội (Social welfare functions)

Dẫn nhập

Các công cụ nghiên cứu của tài chính công

- *Các công cụ lý thuyết (Theoretical tools):* dựa vào khung lý thuyết, sử dụng đồ thị và mô hình toán học để lựa chọn đưa ra các quyết định kinh tế.
- *Các công cụ thực nghiệm (Empirical tools):* khảo sát, thống kê \Rightarrow kiểm tra lý thuyết bằng số liệu .

Tối ưu hóa thỏa dụng trong điều kiện có giới hạn

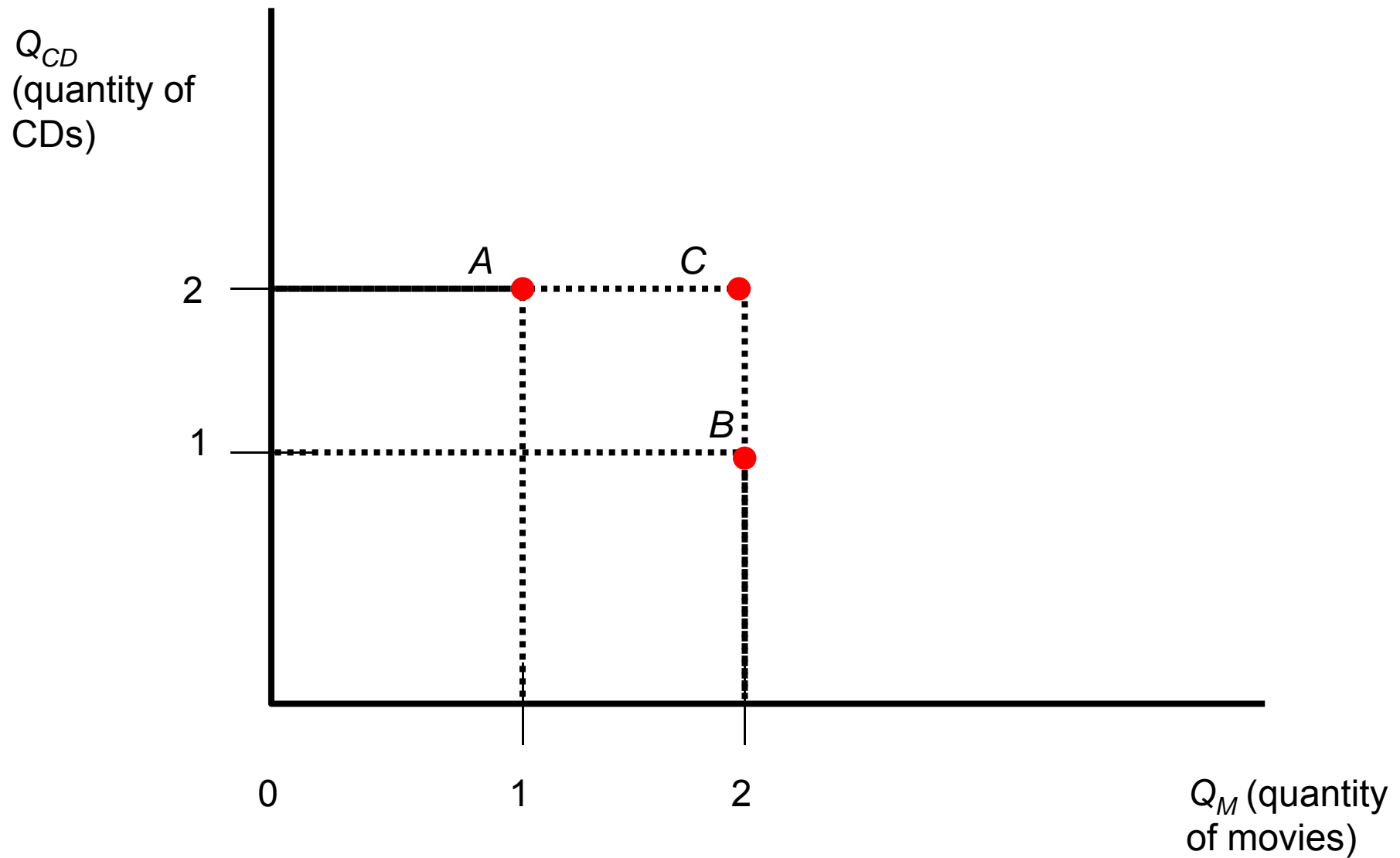
- *Tài chính công đương đầu các khó khăn:*
 - Giới hạn nguồn lực \Leftrightarrow nhu cầu vô hạn \Rightarrow đánh đổi.
 - Cần dựa vào các công cụ lý thuyết làm nền tảng ra quyết định chính sách.
 - Tối đa hóa thỏa dụng
 - Đường bàng quan (sở thích)
 - Đường giới hạn ngân sách.

Tối ưu hóa thỏa dụng trong điều kiện có giới hạn

- **Tối đa hóa thỏa dụng trong điều kiện có giới hạn (*Constrained utility maximization*):**
 - Tất cả các quyết định đưa ra để tối đa hóa nhu cầu/sở thích tùy thuộc vào nguồn lực sẵn có .
- Tối đa hóa thỏa dụng (*Utility maximization*) liên quan đến sở thích và giới hạn ngân sách
 - Một trong giả thiết cơ bản về sở thích là sự không thỏa mãn (*non-satiation*).

Tối đa hóa thỏa dụng: Sở thích và đường bàng quan

- Chẳng hạn, xét *hai lựa chọn* có tính cạnh tranh với nhau (tiêu dùng Movies và CDs/dự án đầu tư...)
- **Hình 1** minh họa về những sở thích về (movies) (on the x-axis) and CDs (on the y-axis).
 - Thỏa dụng của nhóm C > nhóm A và B => nhóm A, B không thỏa mãn đầy đủ (non-satiation).



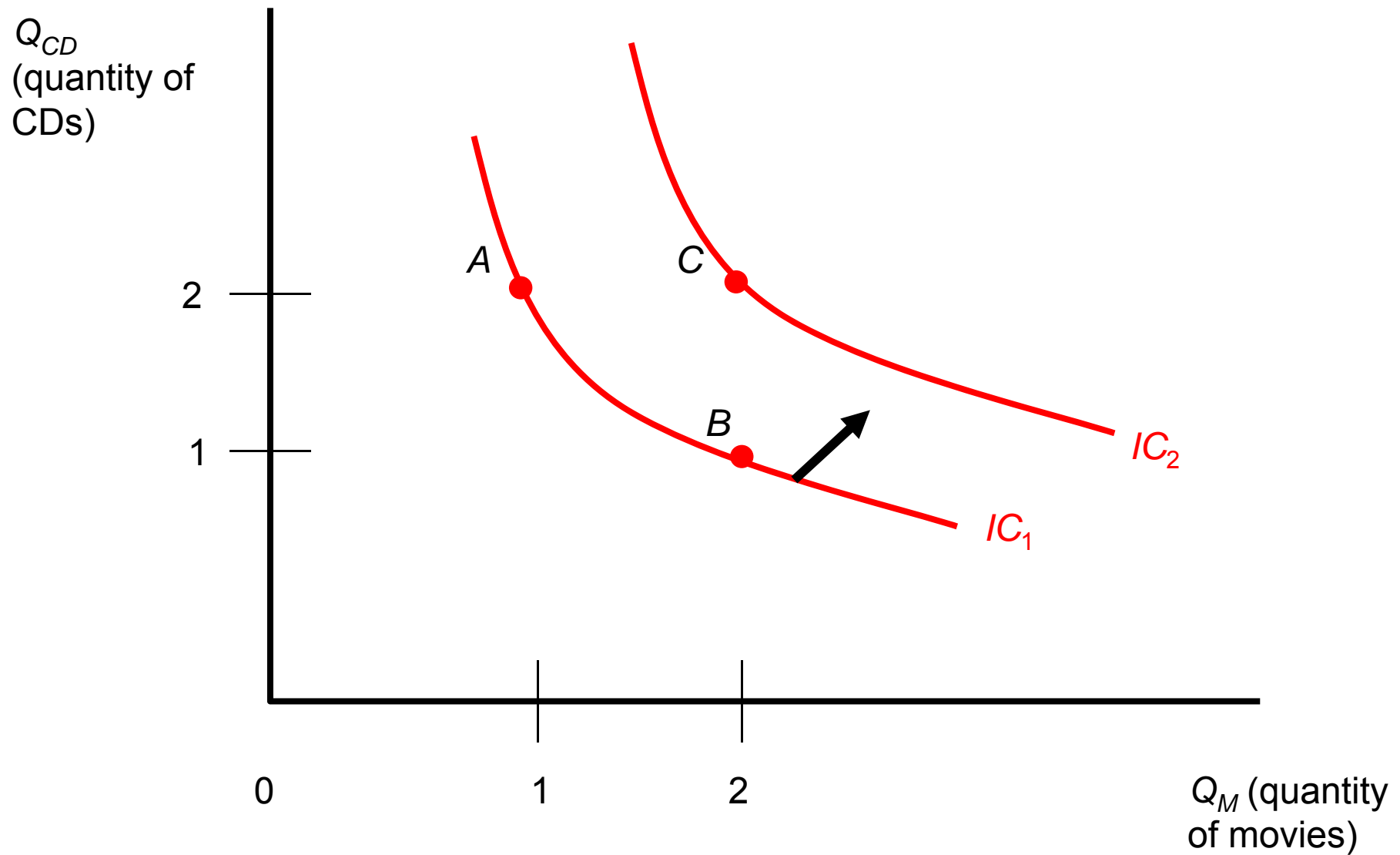
Hình 1 Tập hợp các nhóm hàng hóa khác nhau

Tối đa hóa thỏa dụng: Sở thích và đường bàng quan

- Hàm thỏa dụng (*utility function*) được biểu thị theo công toán học $U = f(X_1, X_2, X_3, \dots)$
 - Trong đó $X_1, X_2, X_3 \dots$ là tập hợp hàng hóa tiêu dùng của cá nhân
 - Và $f(\bullet)$ là hàm số của U .
 - Giá trị của U bị ràng buộc bởi các biến X

Tối đa hóa thỏa dụng: Sở thích và đường bàng quan

- Giả sử, hàm thỏa dụng của các cá nhân về hai sản phẩm (phim ảnh và CDs) là $U(Q_M, Q_C) = Q_M Q_C$, trong đó Q_M = số lượng của phim ảnh và Q_C = số lượng đĩa CDs.
 - Kết hợp $\{1, 2\}$ (bundle A) và $\{2, 1\}$ (bundle B) ta có đường bàng quan IC_1
 - Kết hợp $\{2, 2\}$ (bundle C) ta có đường bàng quan IC_2
- **Hình 2** minh chứng điều này .



Hình 2 Thỏa dụng từ những nhóm hàng hóa khác nhau

Tối đa hóa thỏa dụng: Sở thích và đường bàng quan

- Đường bàng quan được hình thành như thế nào?
 - Tập hợp các sở thích/mức thỏa dụng về các loại hàng hóa Q_M, Q_C .

Tối đa hóa thỏa dụng: Thỏa dụng biên

- ***Thỏa dụng biên (Marginal utility)*** là sự tăng thêm mức thỏa dụng từ việc tiêu dùng thêm một đơn vị hàng hóa .
- ***Thỏa dụng giảm dần (Diminishing marginal utility)*** nghĩa là mỗi đơn vị tăng thêm nhưng không làm cho cá nhân tốt hơn so với đơn vị trước đó .

Tối đa hóa thỏa dụng: Thỏa dụng biên

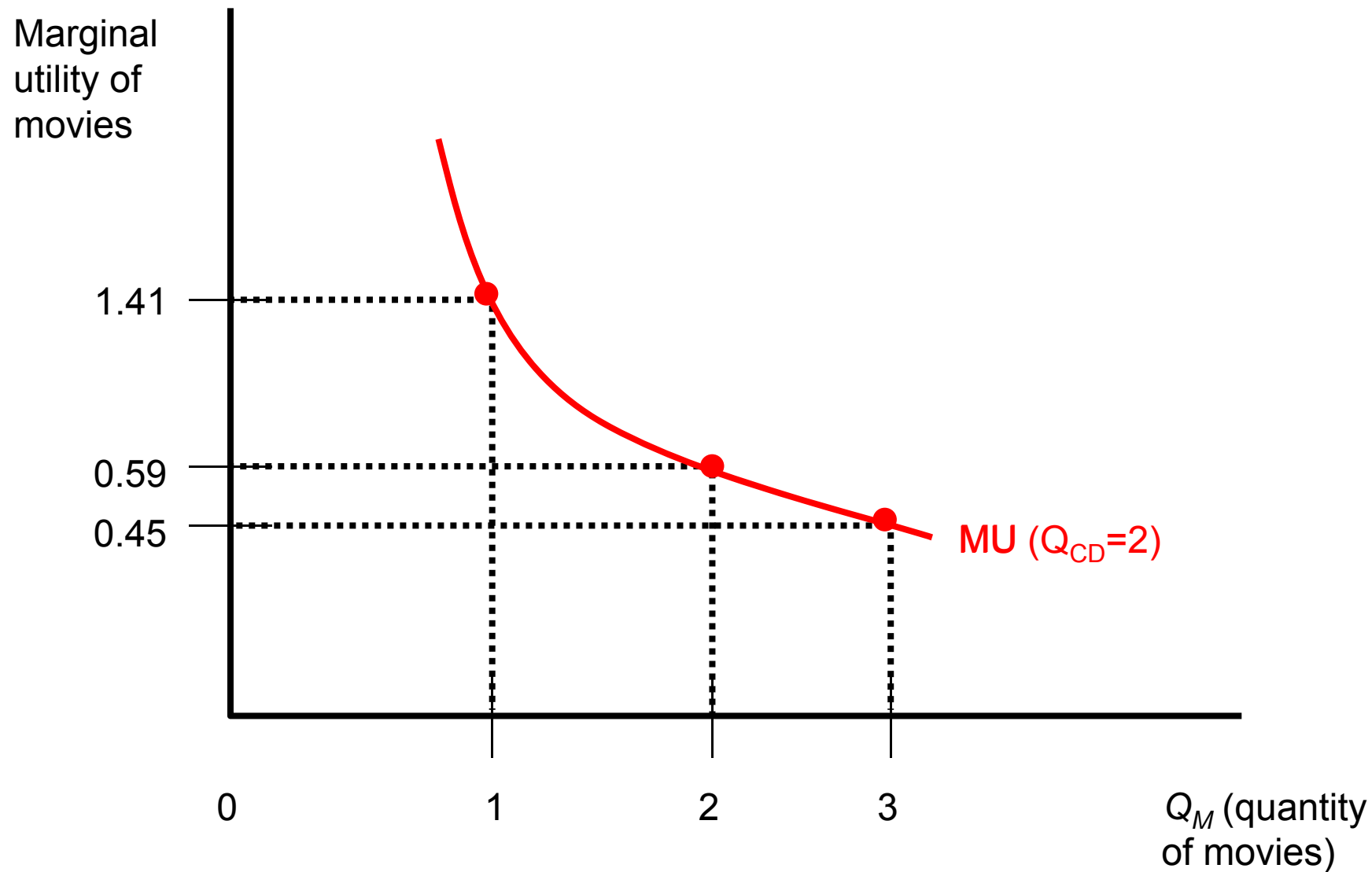
- Với hàm thỏa dụng cho trước, $U = Q_M Q_C$, thì thỏa dụng biên là :

$$MU_{Q_M} = \frac{\partial U}{\partial Q_M} = Q_C$$

- Lấy đạo hàm từng phần từ hàm thỏa dụng của Q_M để xác lập mức thỏa dụng biên của sản phẩm phim ảnh .

Tối đa hóa thỏa dụng: Thỏa dụng biên

- Giả sử giá trị của hàm thỏa dụng U có dạng $(Q_M Q_C)^{1/2}$, $Q_C = 2$ cho phép chúng ta vẽ đồ thị phản ánh mối quan hệ giữa thỏa dụng biên và số lượng phim ảnh tiêu dùng.
- **Hình 3** minh chứng điều đó.



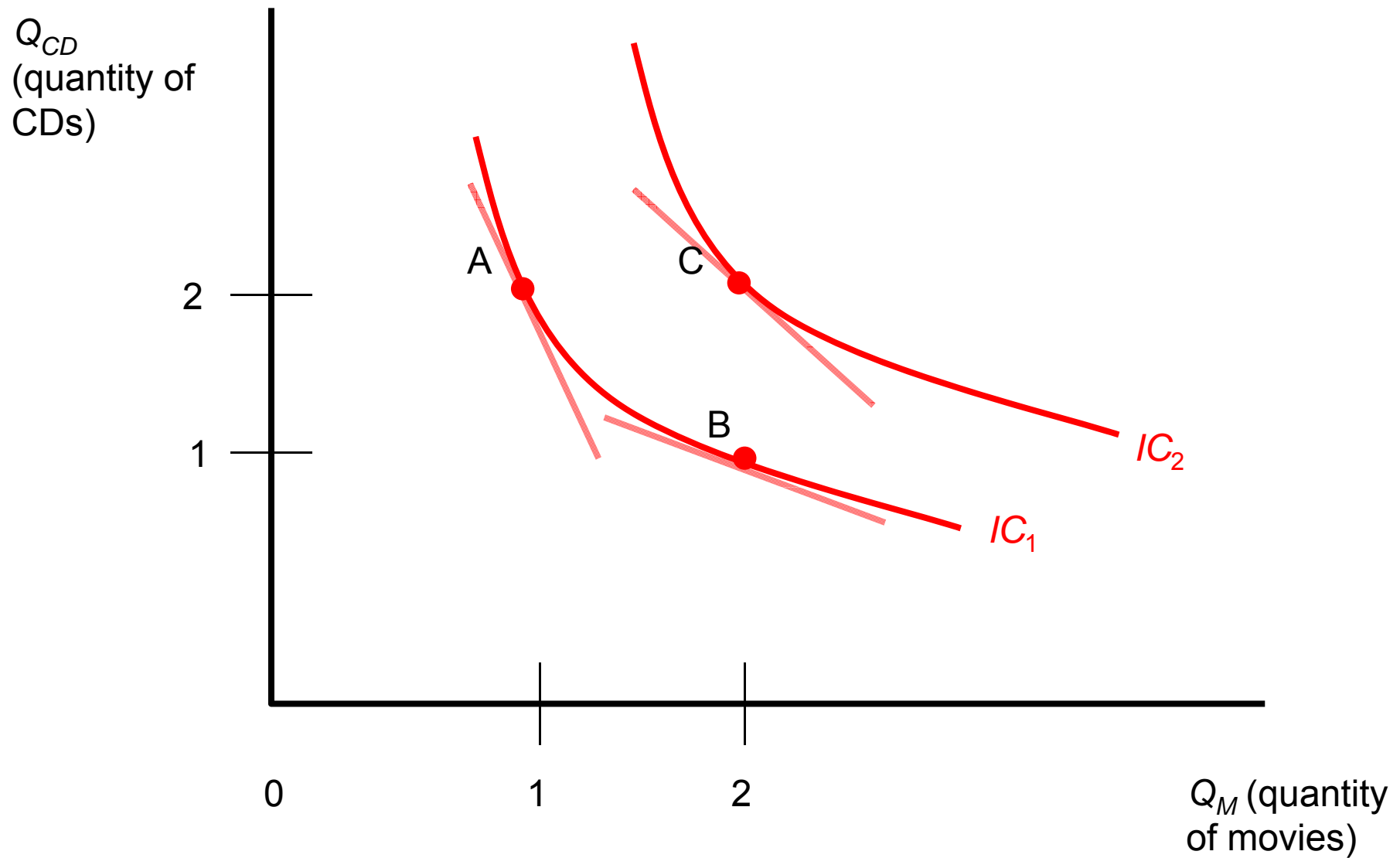
Hình 3 Sự giảm đi mức thỏa dụng biên hàng hóa Movies

Tối đa hóa thỏa dụng: Thỏa dụng biên

- Mức thỏa dụng biên giảm dần hiệu như thế nào?
 - => Hầu hết mọi người sắp xếp mức tiêu dùng hàng hóa với mức thỏa dụng tốt nhất ở vị trí đầu tiên.

Tối đa hóa thỏa dụng: Tỷ lệ thay thế biên

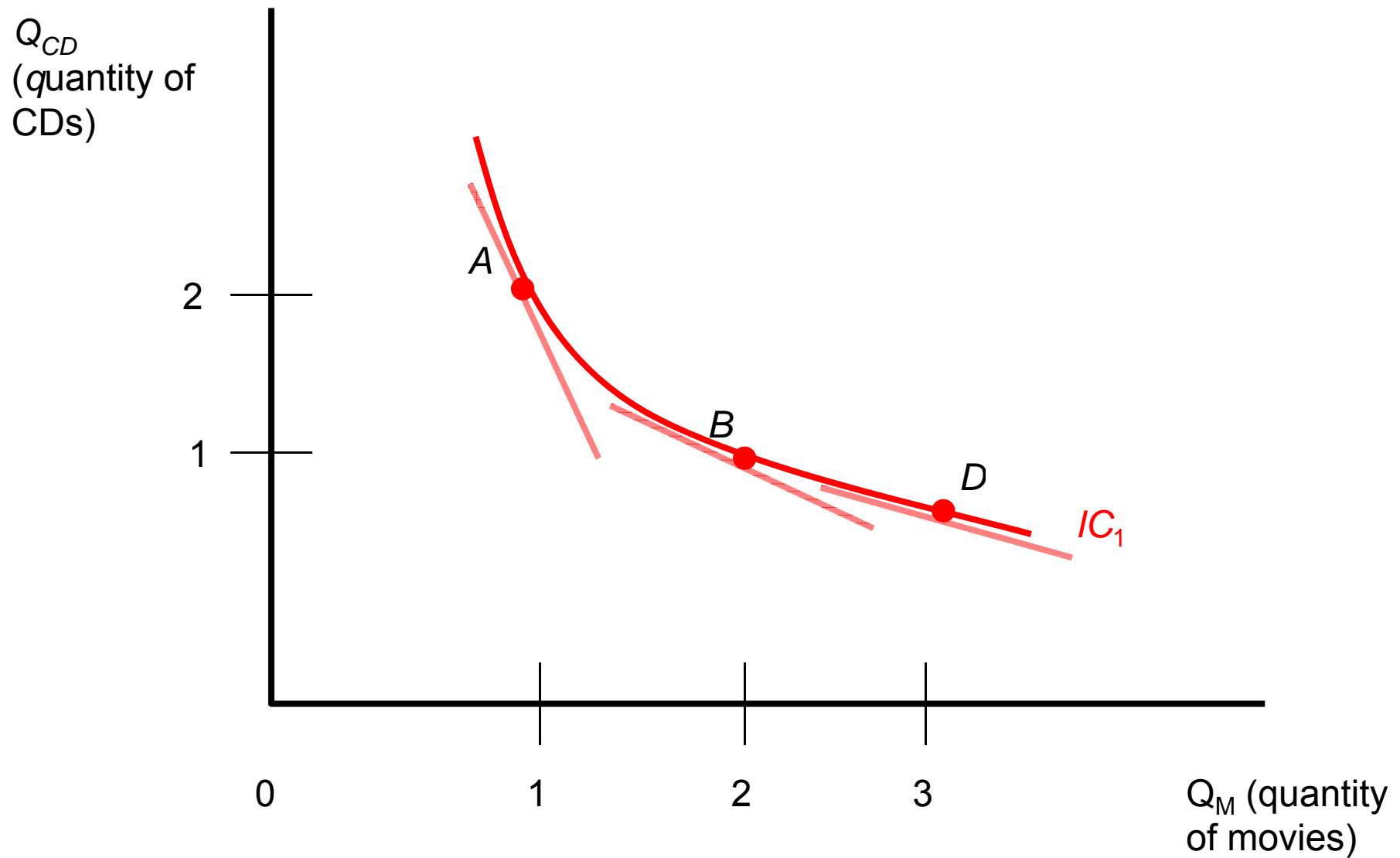
- *Tỷ suất biên thay thế (Marginal rate of substitution) là độ dốc của đường bàng quan (MRS):* phản ánh tỷ lệ mà ở tại đó người tiêu dùng sẵn lòng đánh đổi giữa 2 hàng hóa.
- Trở lại ví dụ (CDs, phim ảnh).
- **Hình 4** minh chứng điều này.



Hình 4 Tỷ lệ thay thế biên

Tối đa hóa thỏa dụng: Tỷ lệ thay thế biên

- *MRS* giảm dần khi chúng ta di chuyển song song với đường bàng quan.
- **Hình 5** minh chứng điều này .



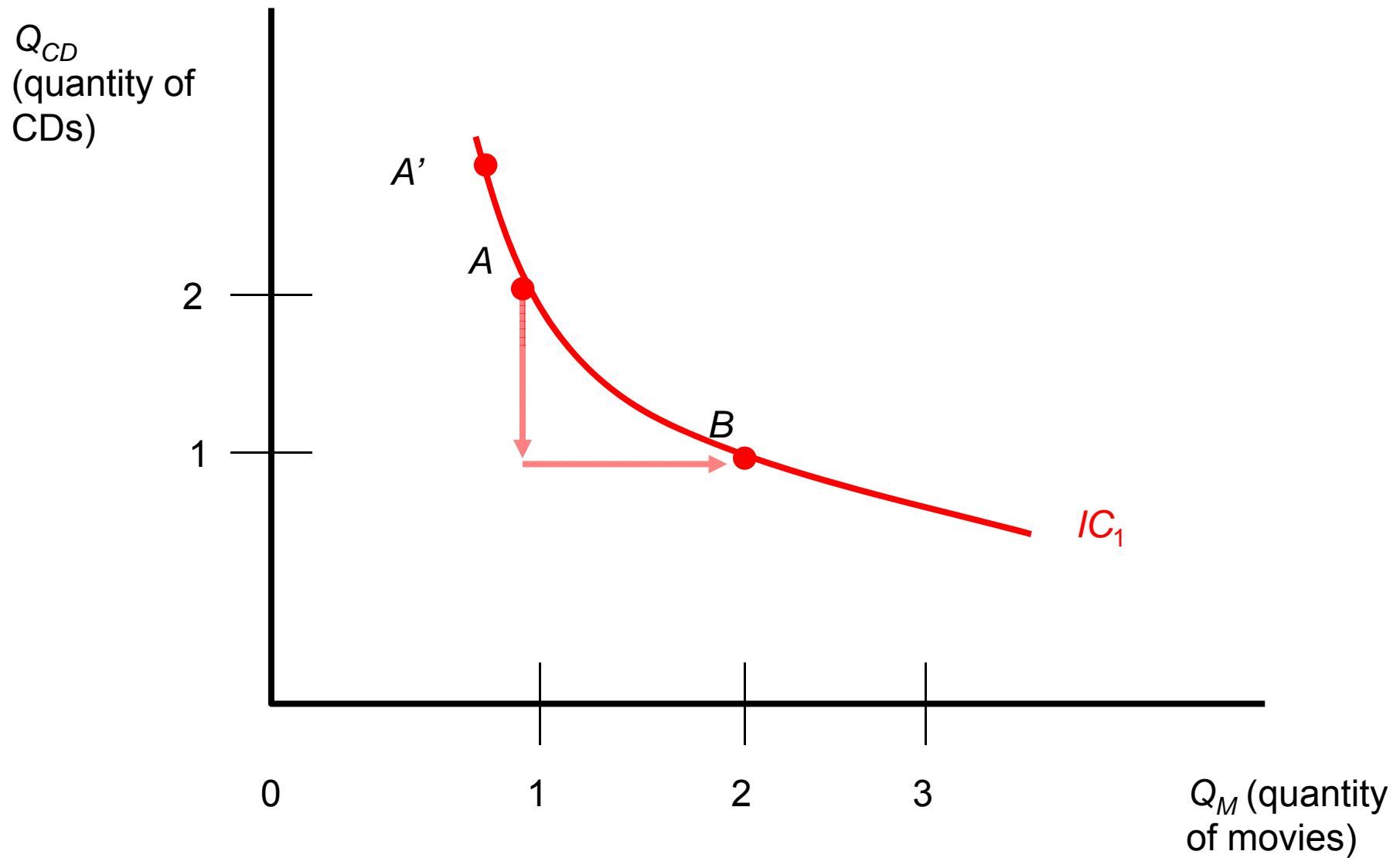
Hình 5 Tỷ lệ thay thế biên giảm dần

Tối đa hóa thỏa dụng: Tỷ lệ thay thế biên

- Mỗi quan hệ trực tiếp giữa MRS và thỏa dụng biên.

$$MRS = -\frac{MU_M}{MU_C}$$

- MRS cho thấy thỏa dụng biên biến đổi như thế nào qua đường bàng quan.
- Hãy xem xét sự di chuyển nhóm A đến nhóm B . **Hình 6** minh chứng điều này.



Hình 6 **Mối quan hệ giữa thỏa dụng biên và MRS**

Tối đa hóa thỏa dụng: Giới hạn ngân sách

- Giới hạn ngân sách (*The budget constraint*):
 - *Hàm số phản ánh mối quan hệ lượng hàng hóa mà người tiêu dùng có đủ nguồn lực để mua với mức thu nhập nhất định .*
- Giả thiết không có tiết kiệm và vay nợ.
- Gọi :
 - Y = Mức thu nhập
 - P_M = Giá cả 1 bộ phim
 - P_C = Giá cả 1 CD

Tối đa hóa thỏa dụng: Giới hạn ngân sách

- Tổng số tiền chi tiêu là :

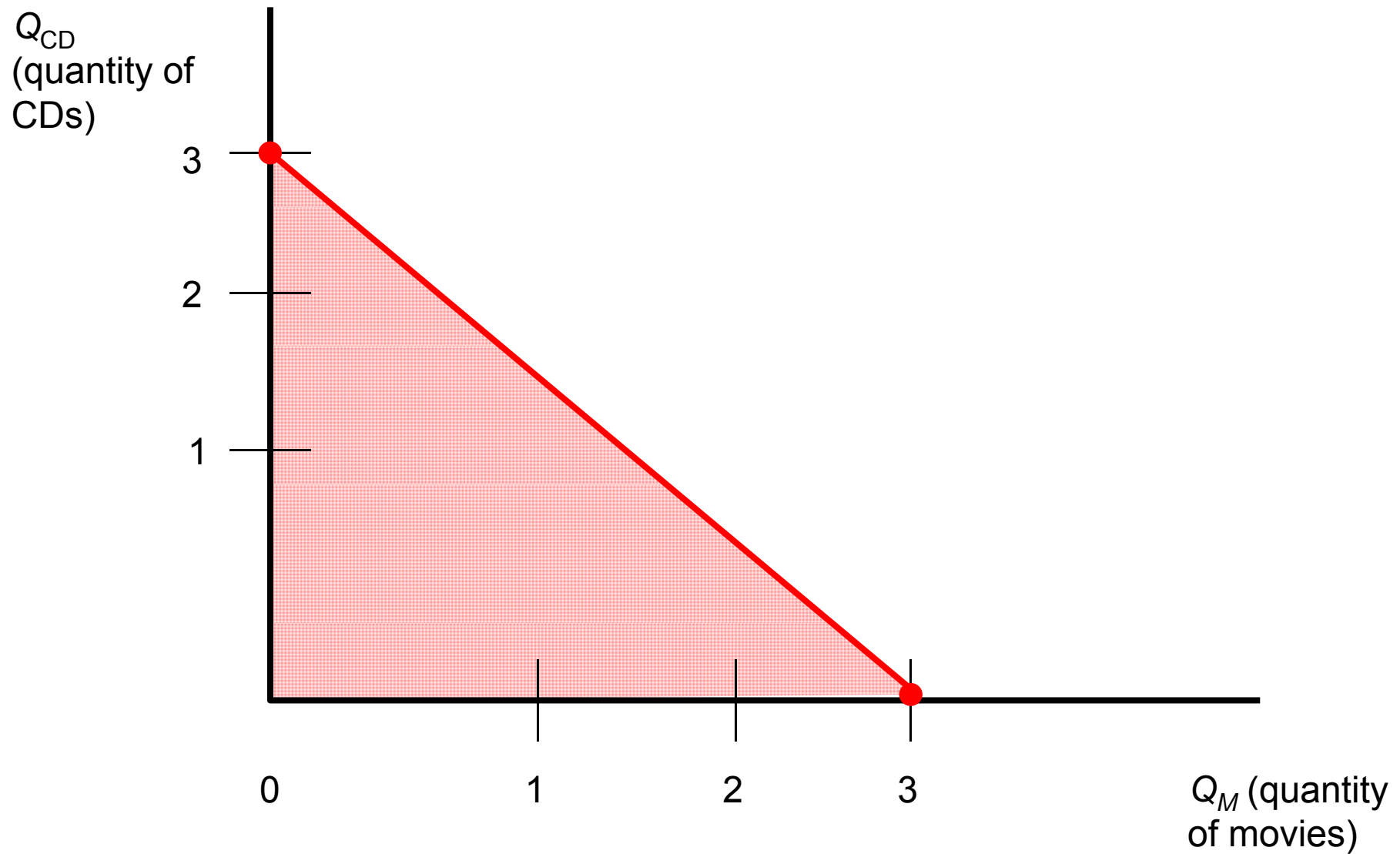
$$P_M Q_M + P_C Q_C$$

- Bằng với thu nhập, bởi vì không có tiết kiệm và vay nợ:

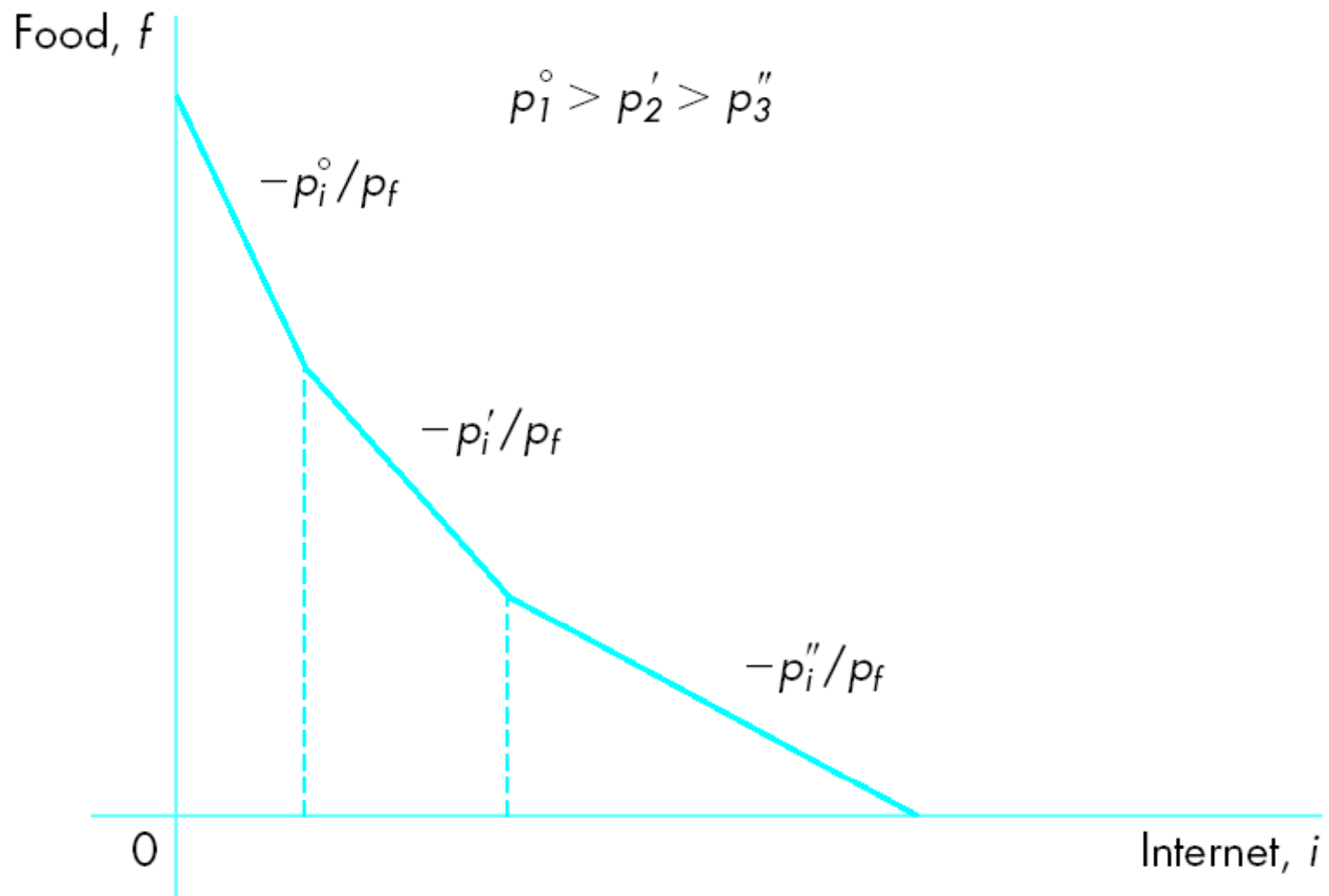
$$Y = P_M Q_M + P_C Q_C$$

Tối đa hóa thỏa dụng: Giới hạn ngân sách

- Đường giới hạn ngân sách được minh chứng ở **Hình 7**.



Hình 7 Giới hạn Ngân sách



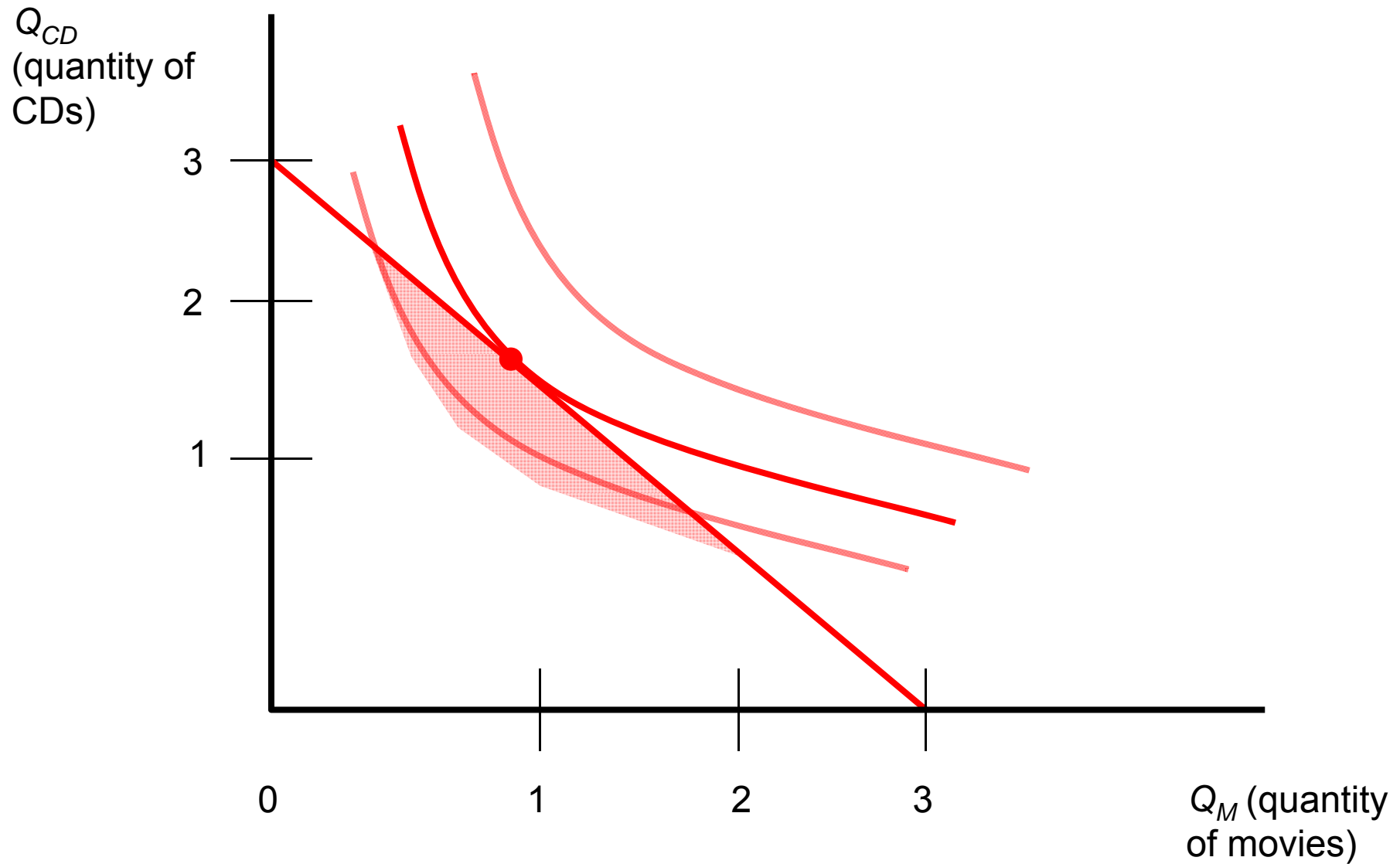
Tối đa hóa thỏa dụng: Giới hạn ngân sách

- Độ dốc của đường giới hạn ngân sách là:

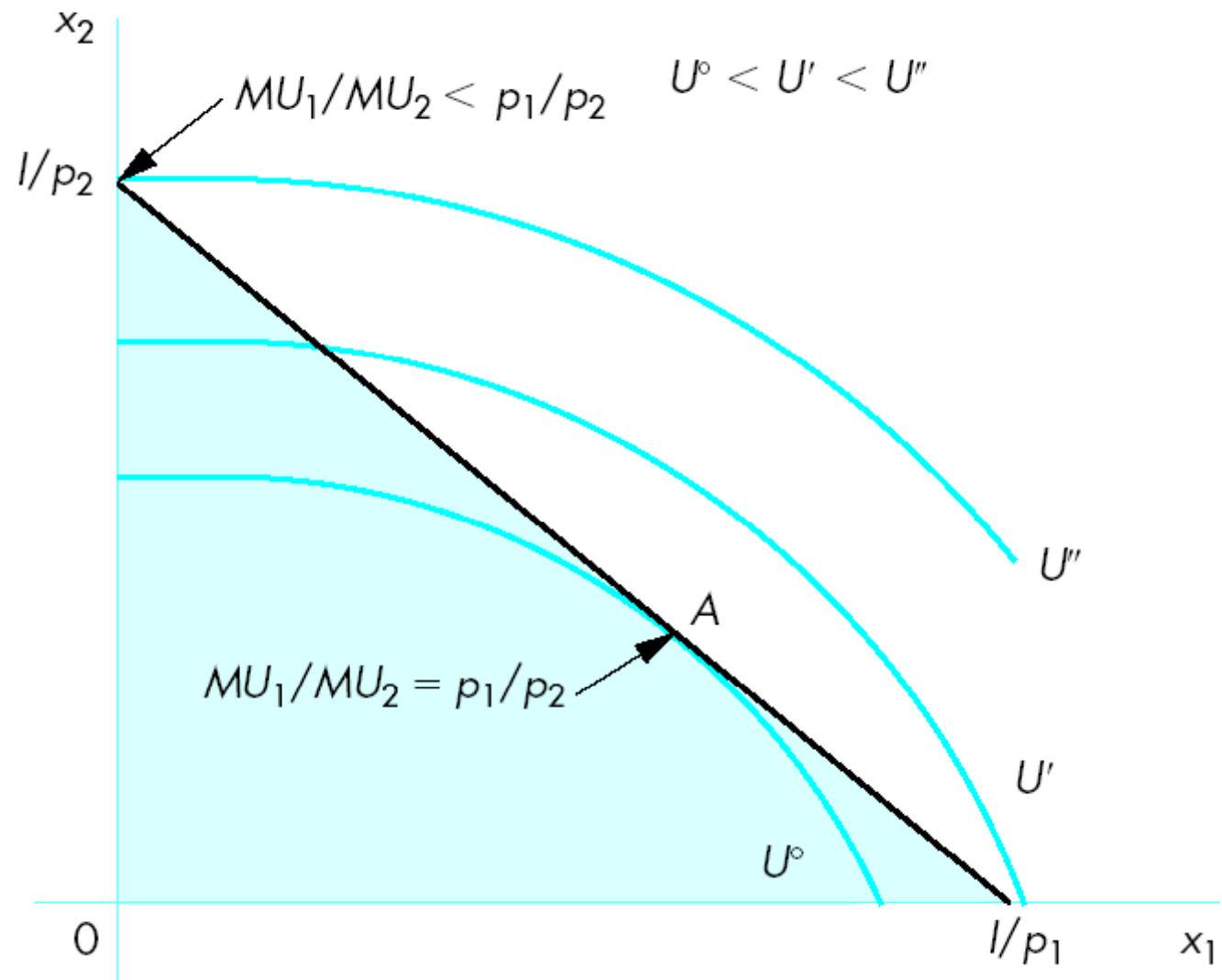
$$-\frac{P_M}{P_C}$$

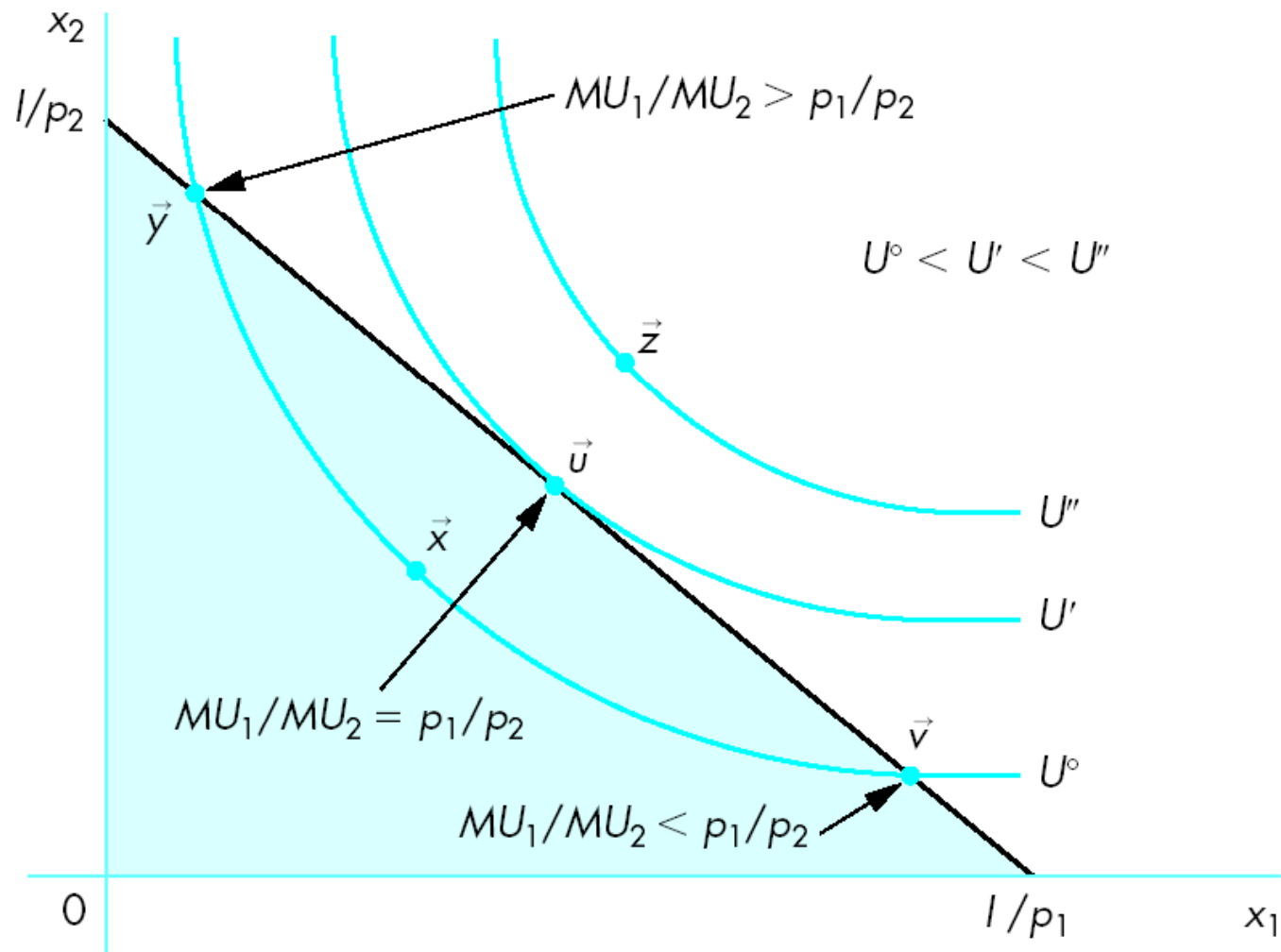
Tối đa hóa thỏa dụng: Lựa chọn có giới hạn

- Với sự giới hạn ngân sách, đường bàng quan cao nhất mà một cá nhân có thể đạt được là gì? .
- Cần lưu ý rằng, những sở thích nói lên cái gì mà tiêu dùng muốn và giới hạn ngân sách nói lên cái gì mà người tiêu dùng thực tế mua được.
- Điều này dẫn đến tối đa hóa thỏa dụng. Hãy xem **Hình 8**.



Hình 8 Tối đa hóa thỏa dụng





Tối đa hóa thỏa dụng: Lựa chọn có giới hạn

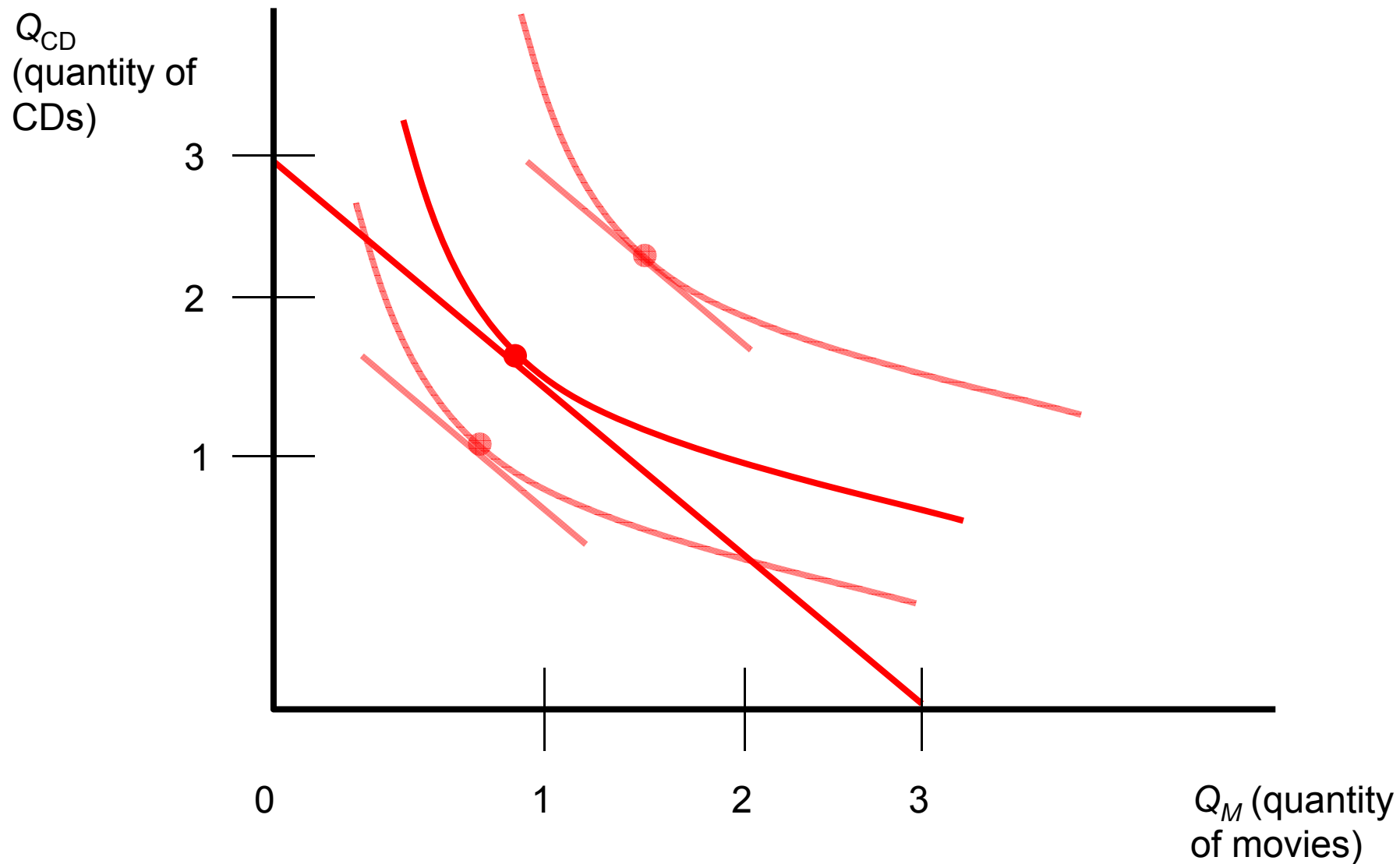
- Trong hình vẽ này, sự lựa chọn tối đa hóa thỏa dụng xảy ra ở đó đường bàng quan là tiếp tuyến (tangent) đường giới hạn ngân sách .
- Điều này hàm ý: độ dốc của đường bàng quan bằng với độ dốc của đường giới hạn ngân sách .

Tối đa hóa thỏa dụng: Lựa chọn có giới hạn

- Như vậy, tỷ suất thay thế biên bằng với tỷ lệ giá cả:

$$MRS = -\frac{MU_M}{MU_C} = -\frac{P_M}{P_C}$$

- Điều kiện tỷ lệ tối ưu: tỷ lệ thỏa dụng biên bằng với tỷ lệ giá cả; nhưng đó không phải là điều kiện duy nhất để tối đa hóa thỏa dụng.
- **Hình 9** minh chứng điều này



Hình 9 MRS bằng với tỷ giá cả là không đầy đủ

Tối đa hóa thỏa dụng: Lựa chọn có giới hạn

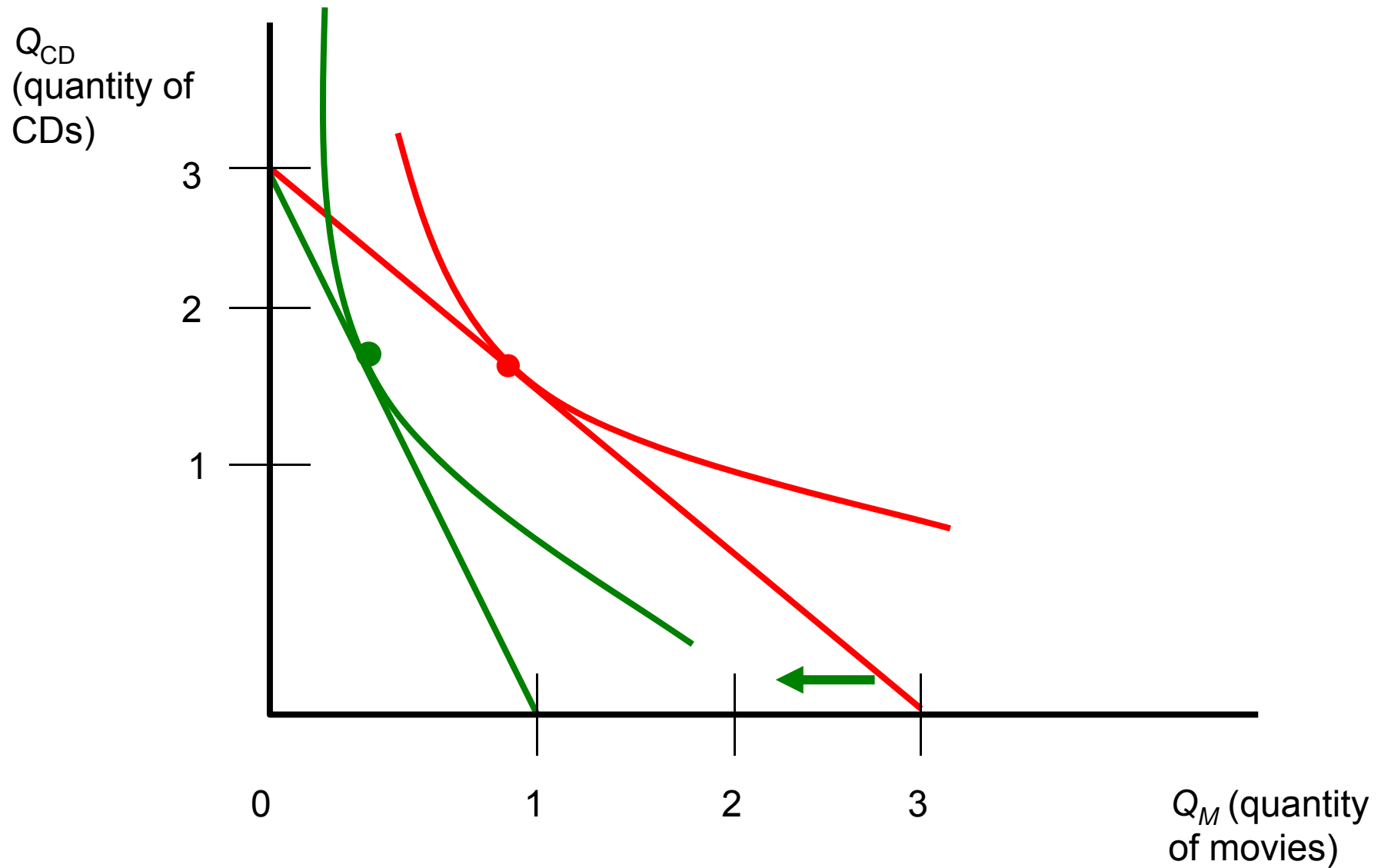
- Điều kiện thứ hai: tất số thu nhập của người tiêu dùng được chi tiêu hết

$$Y = P_M Q_M + P_C Q_C$$

- Hai điều kiện trên được sử dụng để ràng buộc tối đa hóa thỏa dụng

Ảnh hưởng của thay đổi giá cả : Ảnh hưởng thay thế và thu nhập

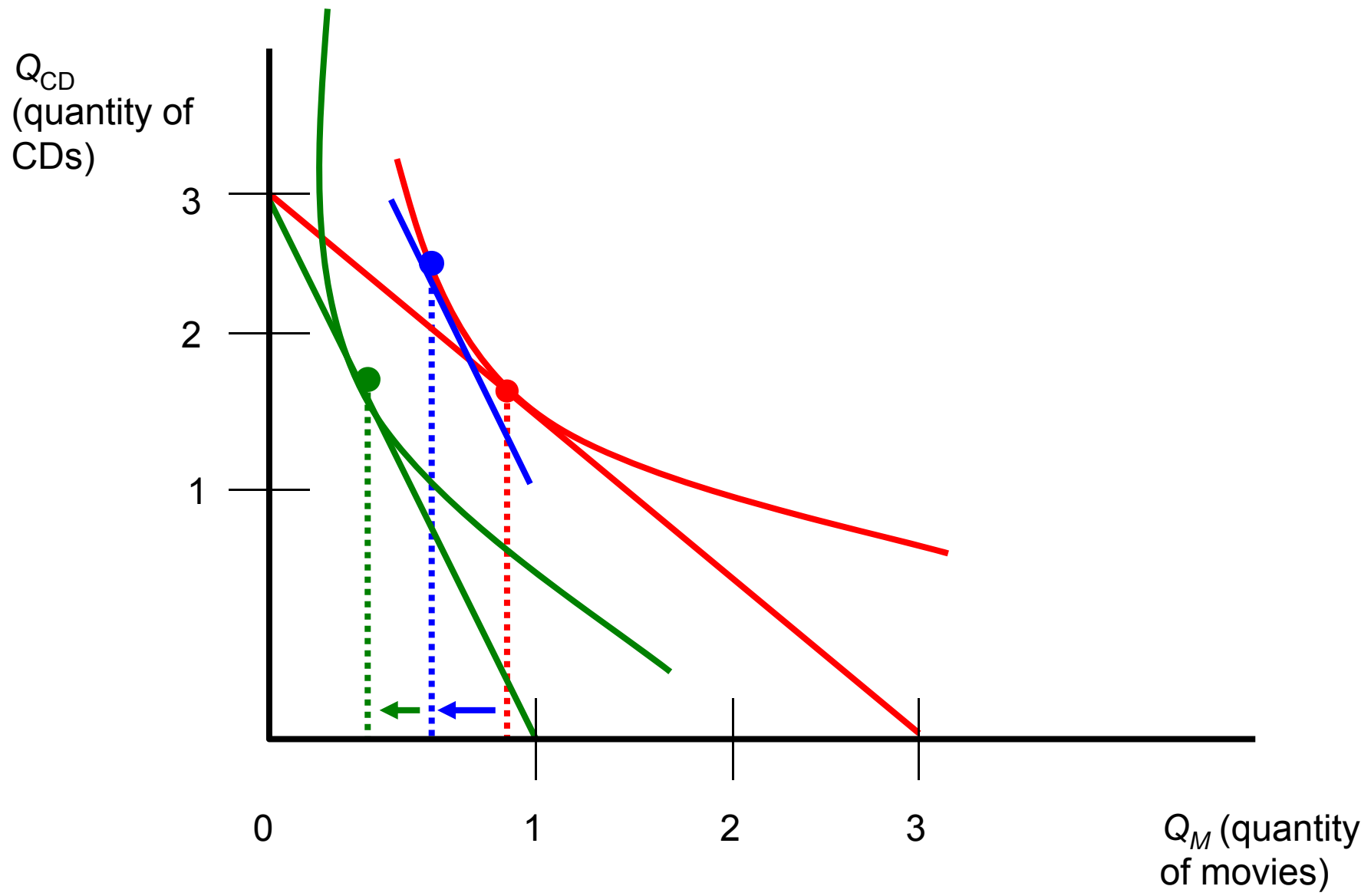
- Hãy xem xét trường hợp thay đổi giá cả.
- Sự gia tăng giá cả phim ảnh P_M .
- Điều này làm cho đường giới hạn ngân sách xoay hướng vào bên trong theo trục hoành.
- **Hình 10** minh chứng điều này.



Hình 10 Sự gia tăng giá cả Movies

Ảnh hưởng của thay đổi giá cả : Ảnh hưởng thay thế và thu nhập

- Một sự thay đổi giá cả gây ra 2 ảnh hưởng :
 - **Ảnh hưởng thay thế (Substitution effect)** – thay đổi tiêu dùng do bởi thay đổi giá cả có liên quan, duy trì mức thỏa dụng không đổi (*holding utility constant*).
 - **Ảnh hưởng thu nhập (Income effect)** – thay đổi tiêu dùng do bởi cảm thấy nghèo hơn sau khi giá cả tăng.
- **Hình 11** minh chứng điều này.



Hình 11 Minh chứng ảnh hưởng thay thế và thu nhập

TANF và cung lao động trong số bà mẹ đơn thân

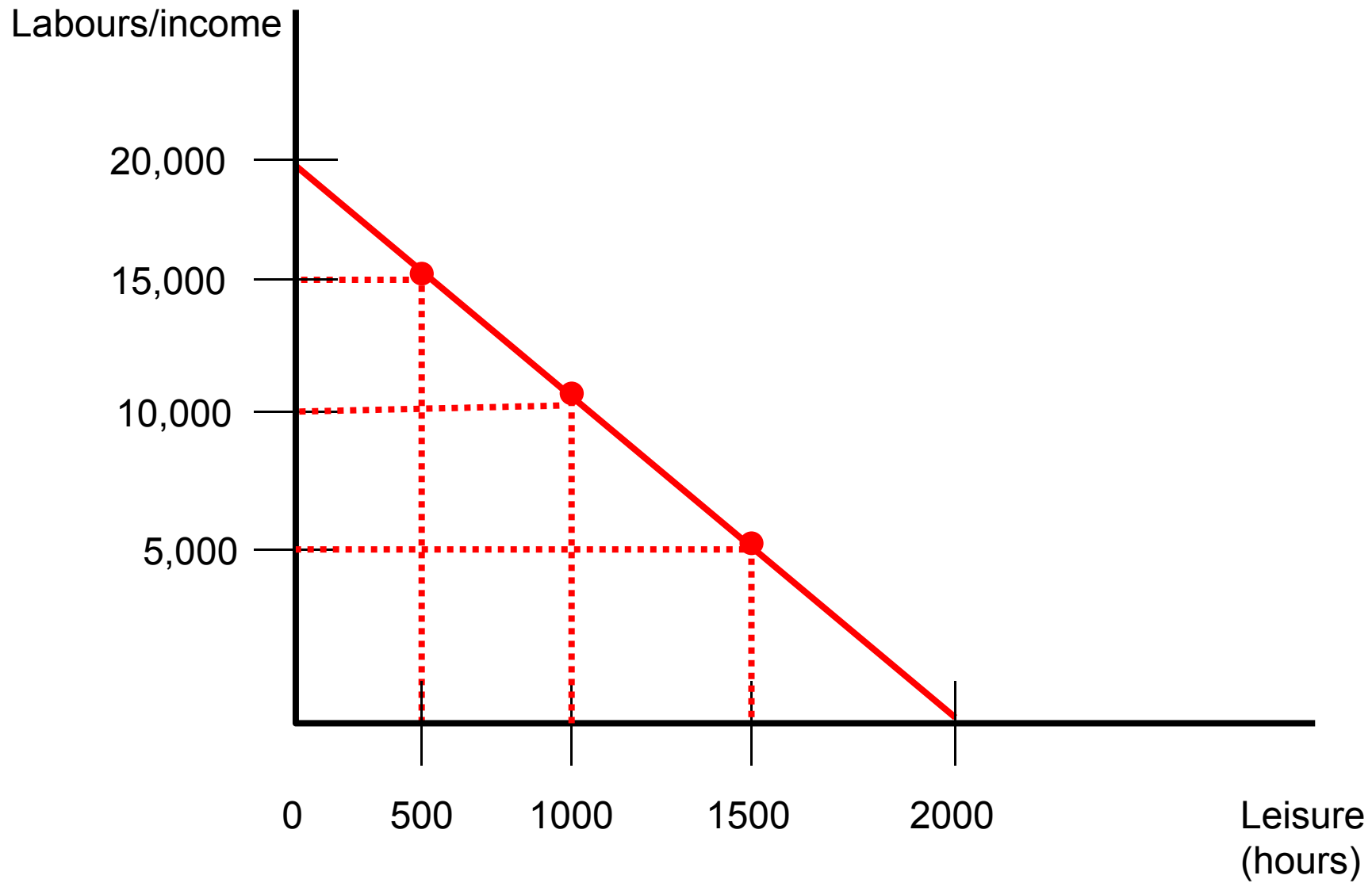
- **TANF** (Temporary Assistance for Needy Families): chương trình hỗ trợ tạm thời cho những gia đình nghèo). Có thể hỗ trợ bằng tiền.
- Giả sử có 2 hàng hóa: lao động (thu nhập,) và thời gian nhàn rỗi. Xem xét vấn đề tối ưu hóa tiêu dùng 2 loại hàng hóa này.
- Bất cứ khi nào không có tiêu dùng thời gian nhàn rỗi thì dành cho đi làm và kiếm tiền.

Xác định đường giới hạn ngân sách

- Vậy, đường giới hạn ngân sách xác định như thế nào?
- Giả sử cá nhân làm việc đến 2000 giờ/năm, mức tiền lương 10 đôla/ giờ; trong điều kiện chưa xem xét TANF

Xác định đường giới hạn ngân sách

- Giá cả một giờ nhân rồi là *mức tiền lương tính theo giờ*.
 - Giả sử có sự đánh đổi trực tiếp giữa nhân rồi và lương thực: mỗi một giờ làm việc đem lại cho cá nhân đó 10 đôla .
- **Hình 12** minh chứng điều này.



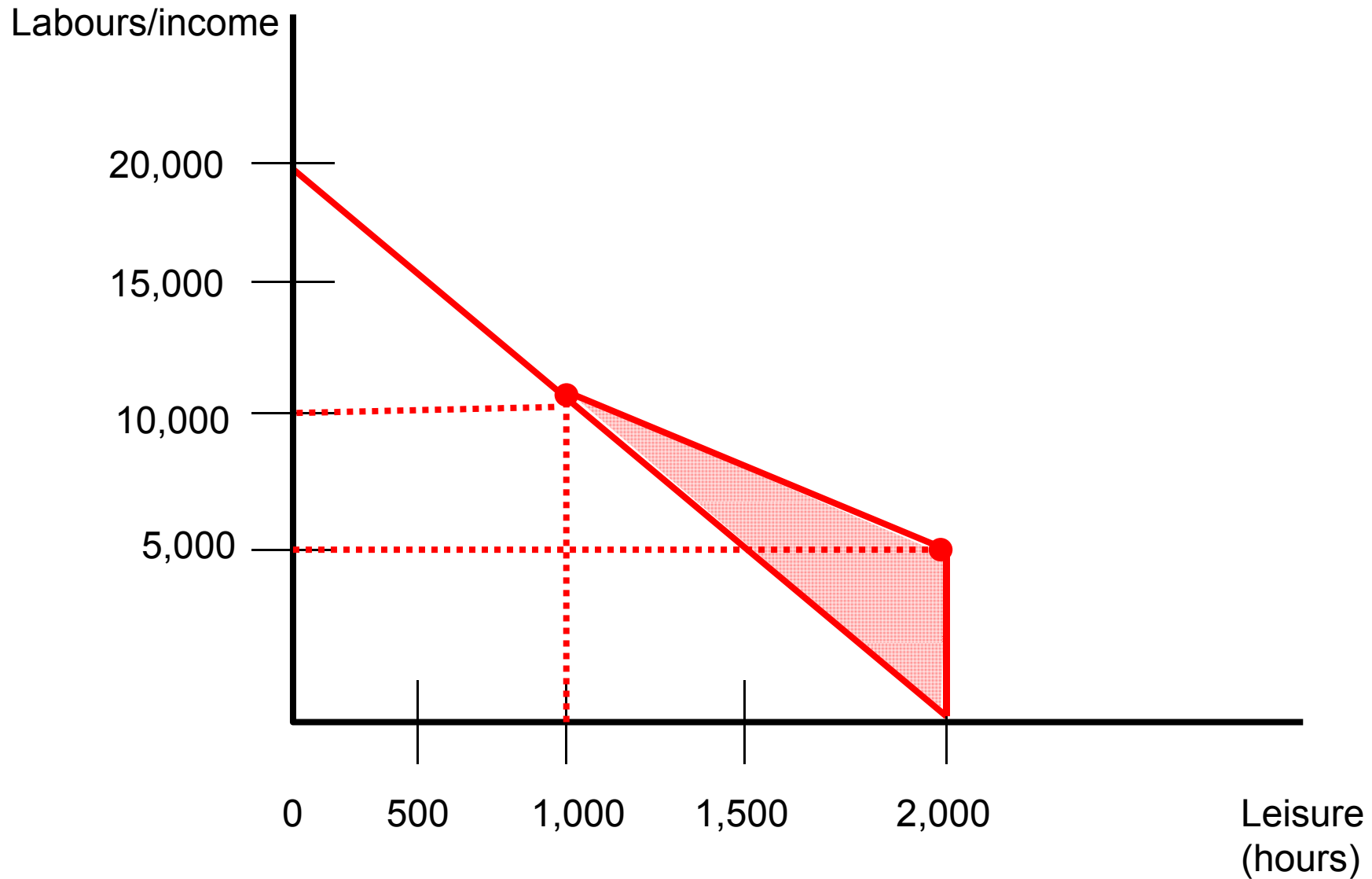
Hình 12 Giờ nhàn rỗi và lao động

Ảnh hưởng của TANF đến giới hạn ngân sách

- Bây giờ, chúng ta hãy đưa chính sách TANF vào trong khuôn khổ phân tích, có 2 đặc điểm cần chú ý :
 - **Mức đảm bảo thu nhập (Benefit guarantee) G** – số lượng mà người nhận trợ cấp khi không có thu nhập.
 - **Tỷ lệ giảm trừ thu nhập (Benefit reduction rate), J** – tỷ lệ mà ở đó mức đảm bảo thu nhập giảm xuống khi thu nhập kiếm được gia tăng.

Ảnh hưởng của TANF đến giới hạn ngân sách

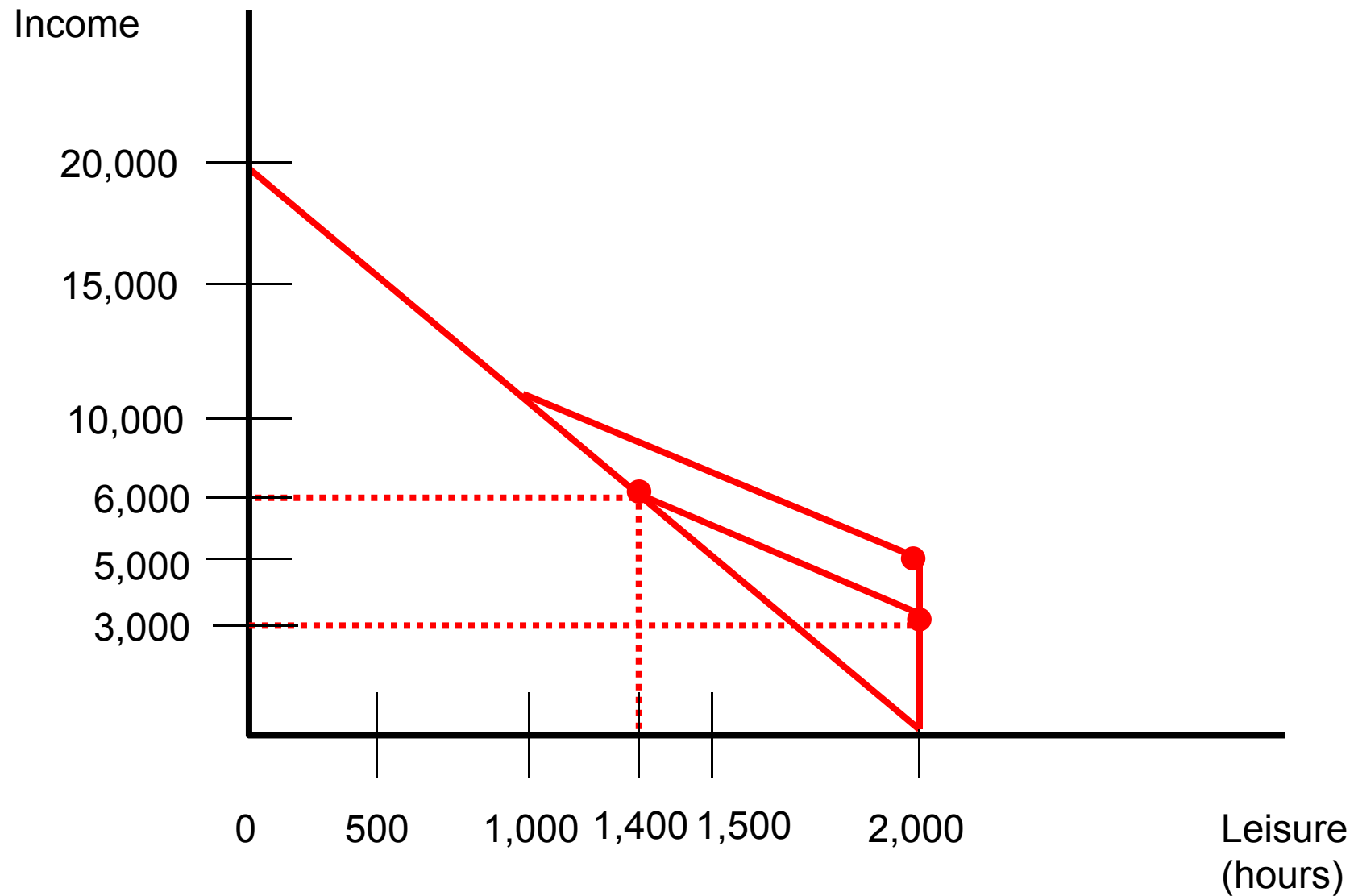
- Giả sử mức đảm bảo thu nhập, G , là \$5,000 1 năm .
- Giả sử tỷ lệ giảm trừ thu nhập, J , là 50%.
- **Hình 13** minh chứng điều đó.



Hình 13 Chương trình hỗ trợ của TANF

Ảnh hưởng của những thay đổi về chính sách đảm bảo lợi ích

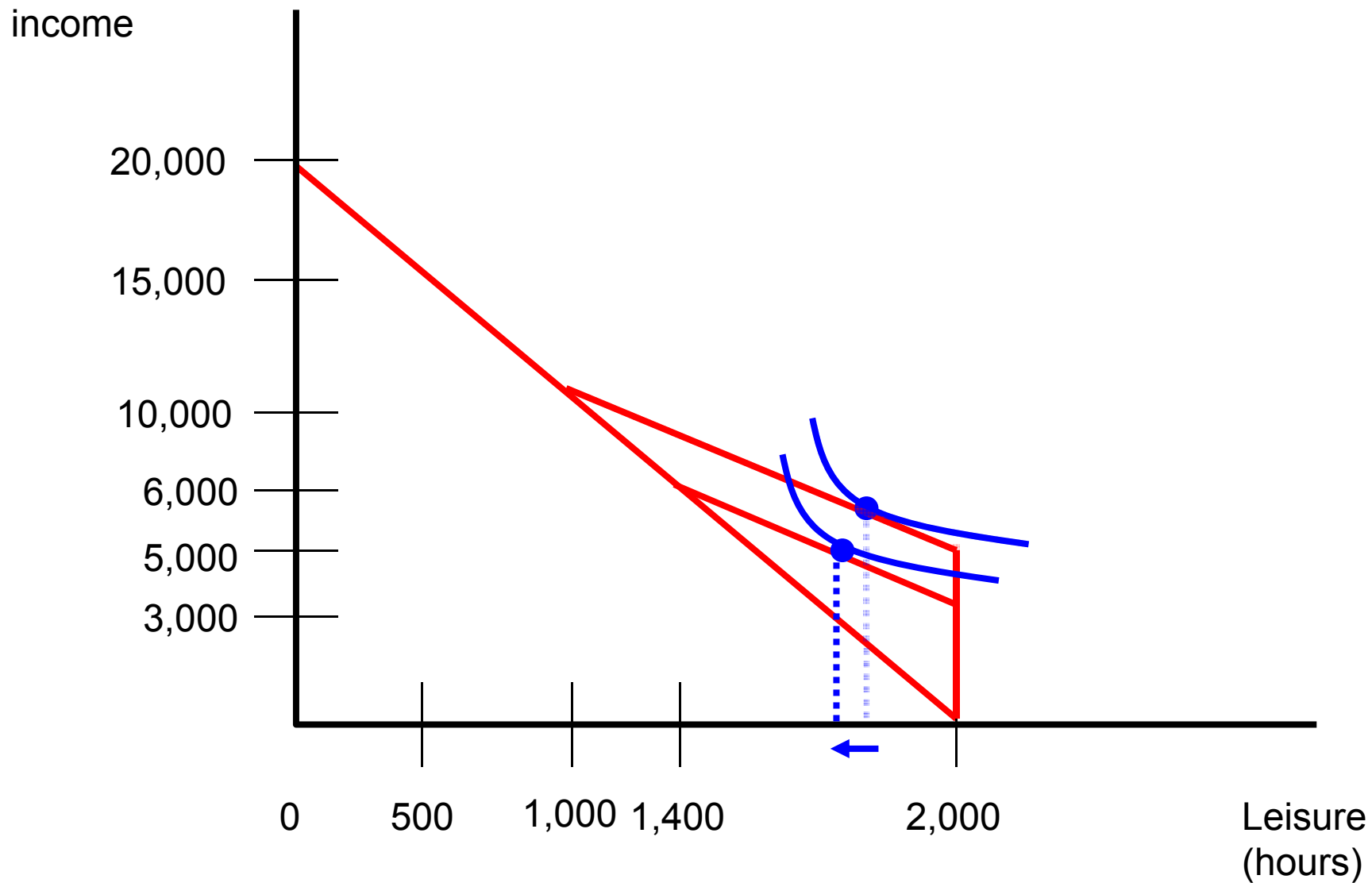
- Giả sử giảm thấp hơn nữa mức giảm trừ thu nhập G .
- Điều gì xảy ra khi G giảm từ \$5,000 đến \$3,000, trong khi các điều kiện khác không đổi?
- **Hình 14** minh chứng điều này.



Hình 14 Hạ thấp đảm bảo lợi ích

Cung lao động phản ứng với mức độ nào ?

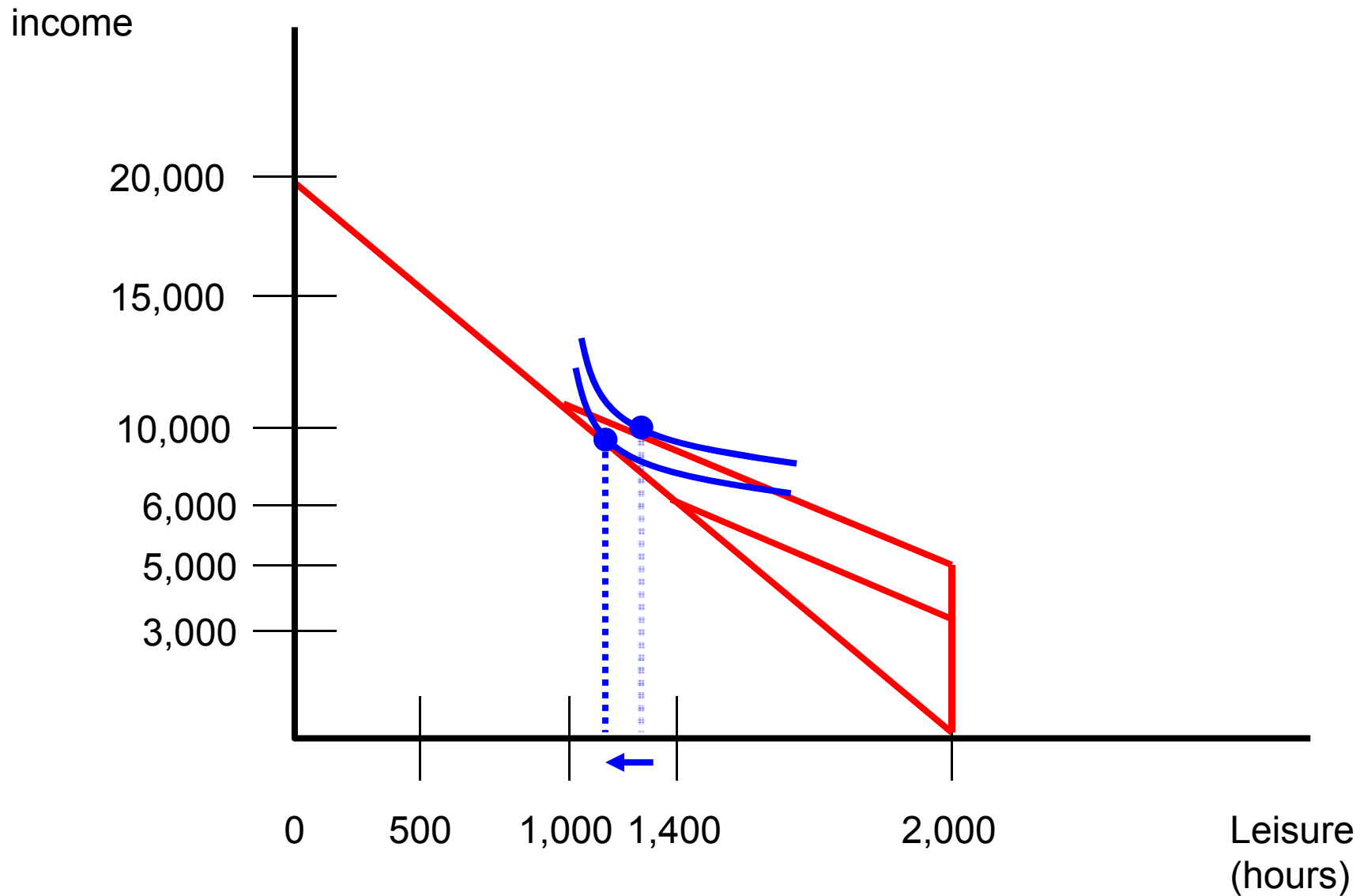
- Cung lao động kỳ vọng phản ứng với sự thay đổi chính sách đó như thế nào?
 - Tùy thuộc vào đường giới hạn ngân sách ban đầu của cá nhân/gia đình (đối tượng nhận trợ cấp).
- Giả sử ban đầu cá nhân đi làm để kiếm thu nhập, thì sự thay đổi chính sách có thể ảnh hưởng đến thu nhập, mà không gây ảnh hưởng thay thế.
- **Hình 15** minh chứng điều đó .



Hình 15 Thay đổi chính sách chỉ làm ảnh hưởng đến thu nhập

Cung lao động phản ứng với mức độ nào ?

- Nếu như cá nhân kiếm được thu nhập ở giữa \$6,000 và \$10,000/năm, thì sự thay đổi chính sách liên quan đến cả hai sự ảnh hưởng thu nhập và sự ảnh hưởng thay thế.
- Sự ảnh hưởng thu nhập và sự ảnh hưởng thay thế dịch chuyển cùng chiều.
- **Hình 16** minh chứng điều này.

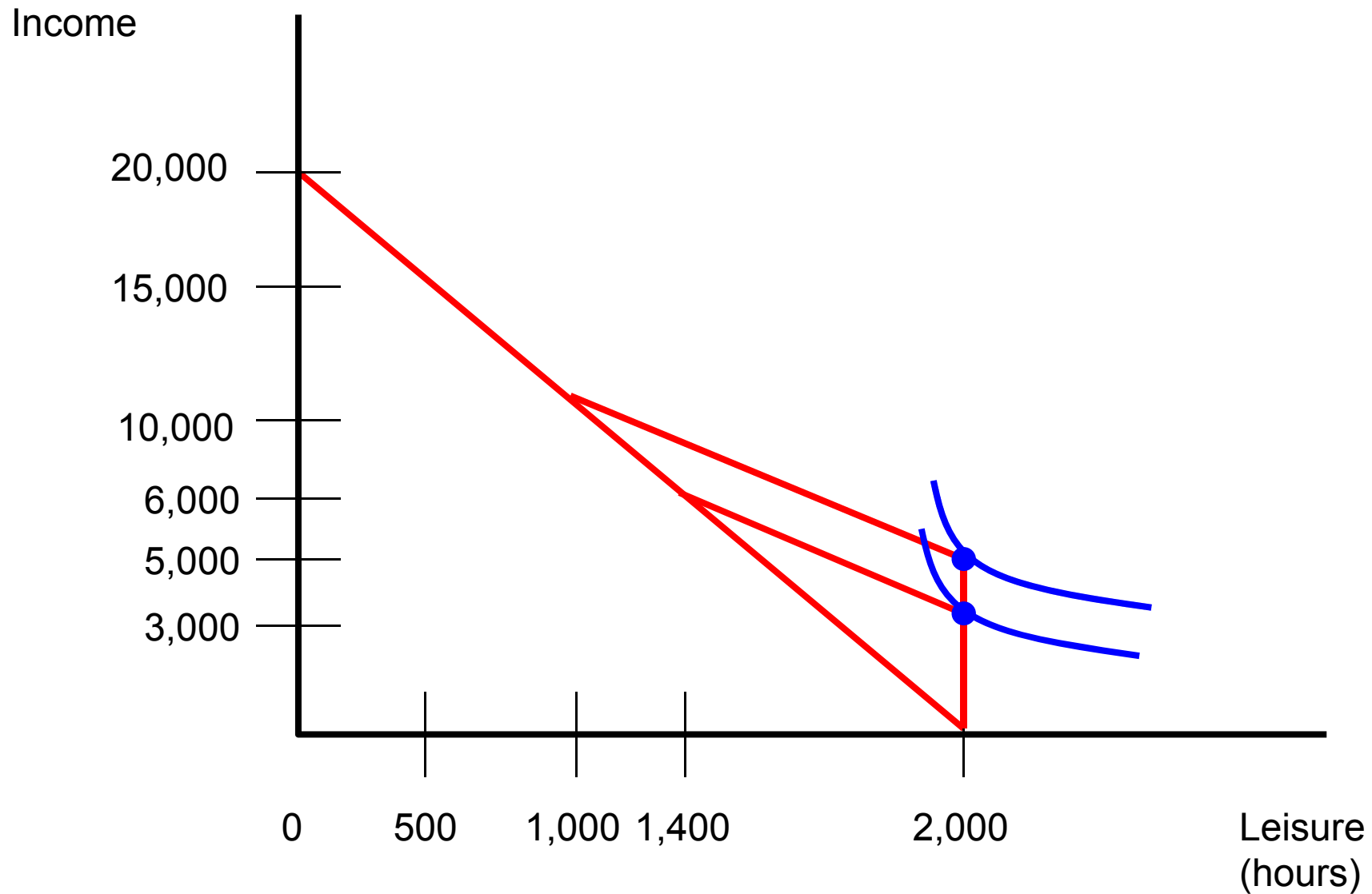


Hình 16

Thay đổi chính sách ảnh hưởng đến thu nhập và thay thế

Cung lao động phản ứng với mức độ nào ?

- Lý thuyết kinh tế học cho thấy một sự giảm đi thu nhập như thế sẽ làm gia tăng cung lao động, nhưng không nói lên mức độ phản ứng .
- **Hình 17** minh chứng điều này .



Hình 17

Thay đổi chính không làm ảnh hưởng đến cung lao động

Cung lao động phản ứng với mức độ nào ?

- Mức độ phản ứng thực tế của cung lao động tùy thuộc vào sở thích của người nhận trợ cấp .
- Vì thế, một mình lý thuyết không thể nói lên: Liệu thay đổi chính sách có làm gia tăng cung lao động hay không hoặc có là bao nhiêu? .
 - Cần phải có điều tra thực nghiệm .

Cân bằng và phúc lợi xã hội

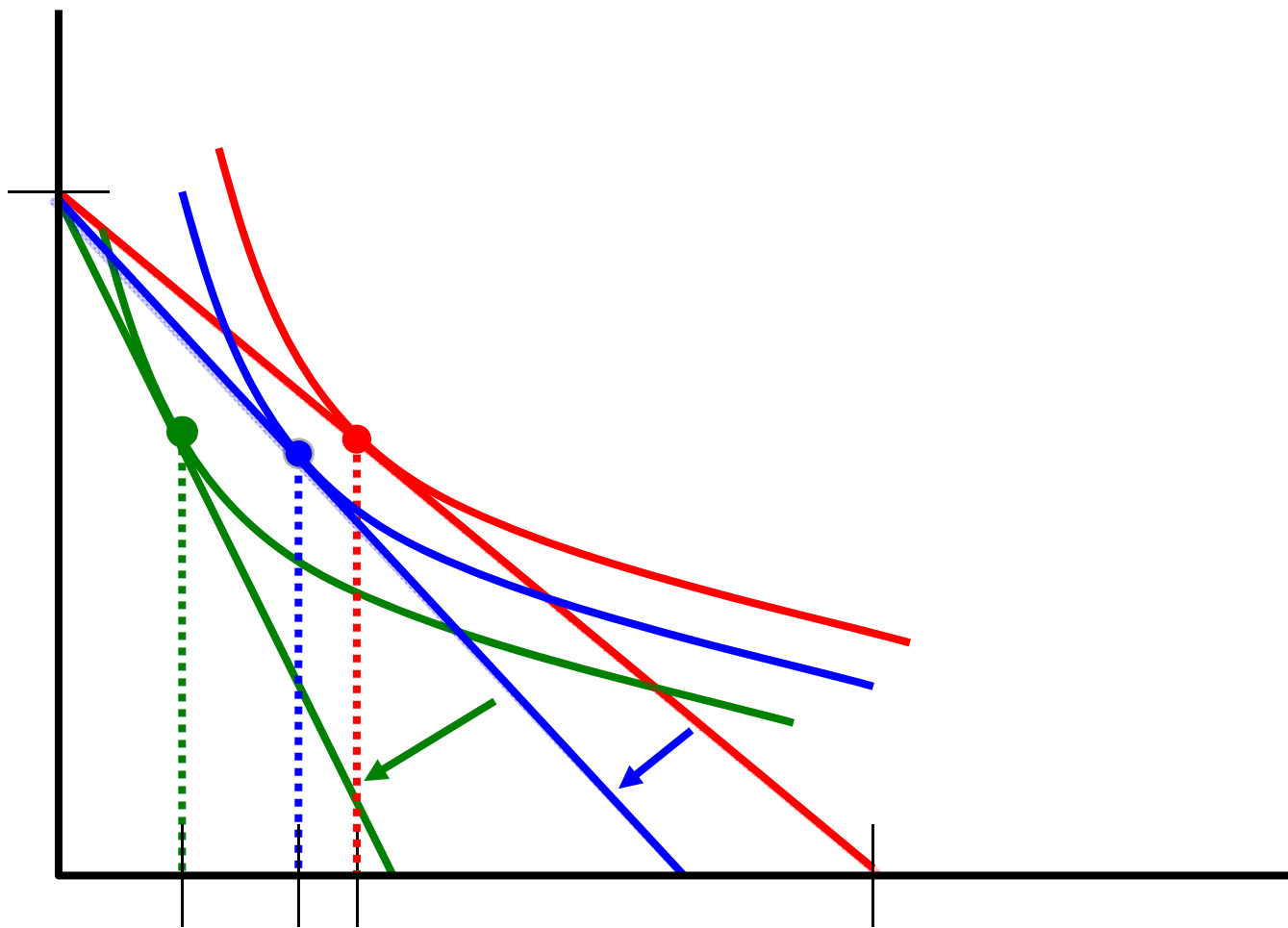
- ***Kinh tế học phúc lợi (Welfare economics)*** nghiên cứu những yếu tố quyết định đến phúc lợi xã hội.
- Nó tùy thuộc :
 - Những yếu tố quyết định về hiệu quả xã hội hoặc quy mô chiếc bánh kinh tế (size of the economic “pie.”)
 - Tái phân phối thu nhập.

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cầu

- *Đường cầu miêu tả mối quan hệ giữa giá cả hàng hóa và số lượng cầu hàng hóa .*
- Đường cầu liên quan đến vấn đề tối đa hóa thỏa dụng, như được miêu tả trong hình **Hình 18.**

Q_{CD}
(quantity of
CDs)



$Q_{M,3}$ $Q_{M,2}$ $Q_{M,1}$

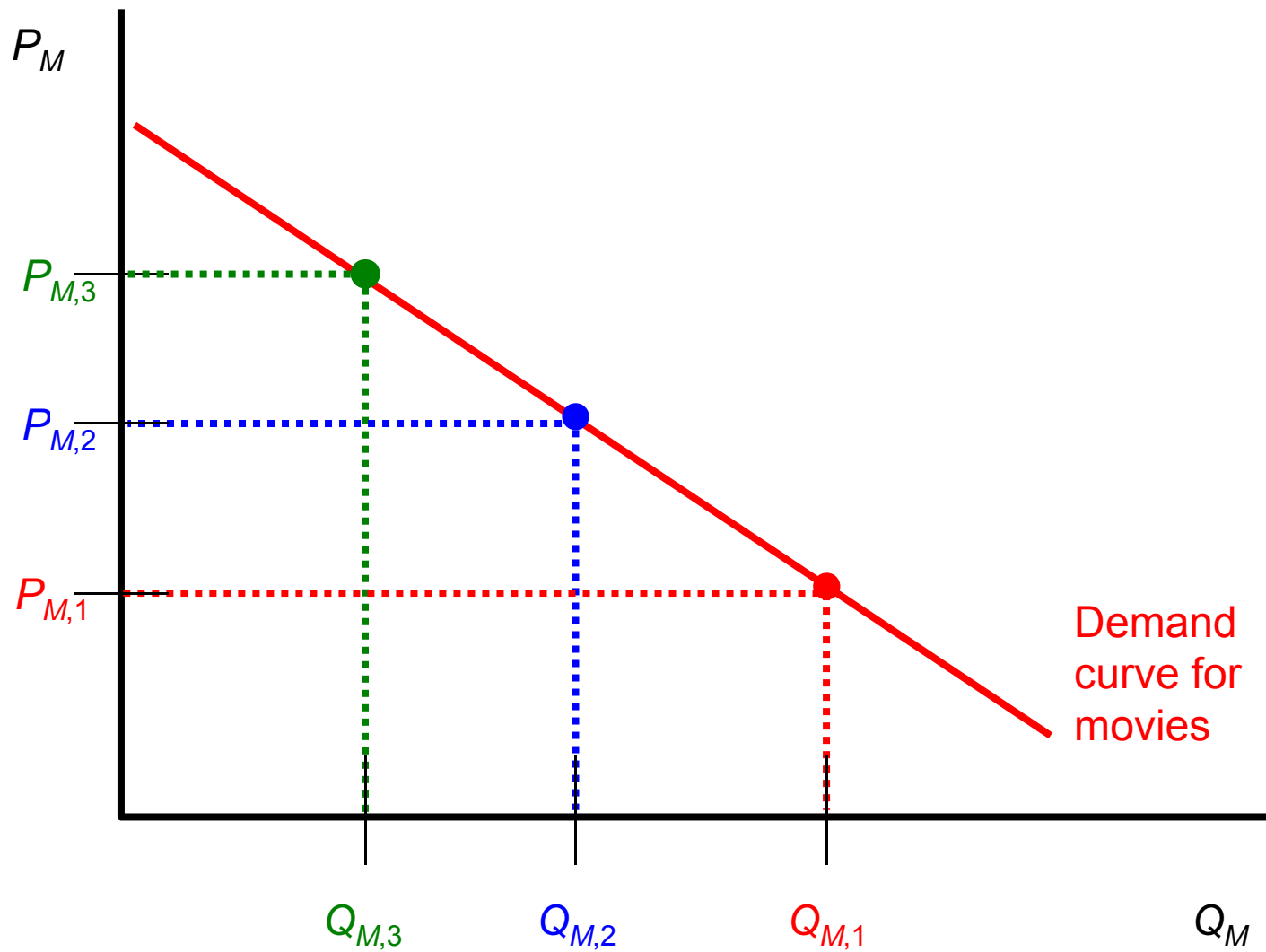
Q_M (quantity
of movies)

Figure 18 Increase in the Price of Movies

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cầu

- Xét tập hợp (P_M, Q_M) : giá cả và số lượng phim ảnh, ta có đường cầu như miêu tả trong **Hình 19**.



Hình 19 Đường cầu Movies

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Co giãn đường cầu

- Một đặc điểm quan của phân tích đường cầu là độ co giãn của cầu (the *elasticity of demand*). Nó được định nghĩa như sau:

$$\varepsilon_D = \frac{\Delta Q_D / Q_D}{\Delta P / P}$$

- Đó là % thay đổi về lượng chia cho % thay đổi về giá.

Cân bằng và phúc lợi xã hội

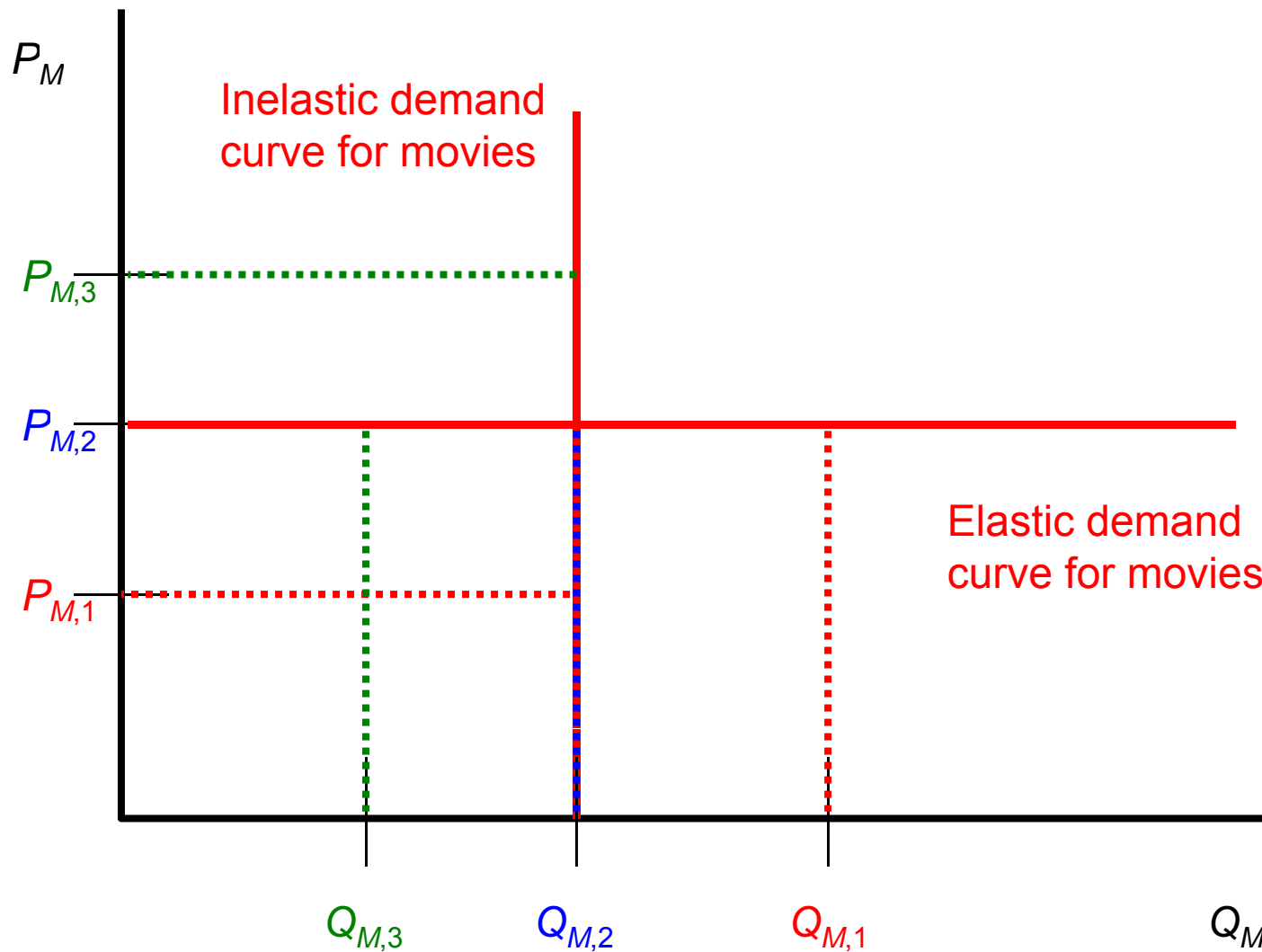
Co giãn đường cầu

- Ví dụ, một sự gia tăng giá phim ảnh từ \$8 đến \$12: gia tăng 50% giá cả .
- Nếu như số lượng phim ảnh được mua giảm xuống từ 6 đến 4, tức là giảm 33% số lượng nhu cầu.
 - Độ co giãn của cầu là -0.67.
- Độ co giãn cầu có đặc điểm:
 - Số âm.
 - Không là hằng số cố định .

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Co giãn đường cầu

- Khi đường cầu thẳng đứng (vertical demand curve)
 - Độ co giãn bằng zero— số lượng không thay đổi khi tăng hay giảm.
 - *Không co giãn hoàn toàn (Perfectly inelastic)*
- Khi đường cầu nằm ngang
 - Độ co giãn cầu là âm vô cực (negative infinity) —số lượng tiến đến vô cực cho dù một sự thay đổi nhỏ của giá cả .
 - *Co giãn hoàn toàn (Perfectly elastic)*
- **Hình 20** minh chứng .



Hình 20

Câu co giãn hoàn toàn và không co giãn hoàn toàn

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Co giãn đường cầu

- Nói chung, độ co giãn = thay đổi % trong biến số phụ thuộc chia cho thay đổi % biến số độc lập:

$$\varepsilon = \frac{\Delta Y / Y}{\Delta X / X}$$

- Ví dụ, Y thường là số lượng cầu hay cung, trong khi X có thể giá cả hay thu nhập

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- *Đường cung biểu thị mối quan hệ giữa giá cả và số lượng hàng hóa cung cấp .*
 - Đường cung liên quan đến tối đa hóa lợi nhuận.
- *Hàm sản xuất (*production function*) đo lường sự ảnh hưởng của các yếu tố đầu vào đến mức độ đầu ra của doanh nghiệp .*

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- Giả sử có 2 yếu tố đầu vào, lao động (L) và vốn (K). Nói chung hàm sản xuất của phim ảnh là:

$$Q_M = f(L_M, K_M)$$

- Đó là số lượng phim ảnh được sản xuất liên quan đến số lượng lao động và vốn dùng cho sản xuất.
- Tương tự, có hàm sản xuất CDs.

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- Một dạng đặc biệt của hàm sản xuất là:

$$Q_M = \sqrt{L_M K_M}$$

- Từ hàm sản xuất trên, chúng ta có thể suy luận hiệu suất biên của một yếu tố đầu vào bằng cách lấy đạo hàm.

Cân bằng và phúc lợi xã hội Đường cung

- Ví dụ, hiệu suất biên của lao động là:

$$\frac{\partial Q_M}{\partial L_M} = \frac{1}{2} \sqrt{\frac{K_M}{L_M}} > 0$$

- Đó là đạo hàm từng phần của Q đối với L . Sản phẩm biên là dương.

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- Lấy đạo hàm lần 2 :

$$\frac{\partial^2 Q_M}{\partial L_M^2} = -\frac{1}{4} \sqrt{\frac{K_M}{L_M^3}} < 0$$

- Đạo hàm lần 2 là âm, nghĩa là hàm sản xuất có đặc điểm: hiệu suất biên giảm dần (*diminishing marginal productivity.*)

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- ***Hiệu suất biên giảm dần:*** nghĩa là giữ nguyên tất cả các yếu tố khác cố định, *gia tăng mức độ một yếu tố đầu vào (như lao động) nhưng mức độ gia tăng đầu ra càng ít .*

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- Tổng chi phí sản xuất :

$$TC = rK + wL$$

- Trong trường hợp này, r và w lần lượt là giá cả vốn và lao động.

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- Giả sử vốn cố định trong ngắn hạn, thì hàm chi phí trở thành:

$$TC = r\bar{K} + wL$$

- Như vậy, chỉ có lao động thay đổi trong ngắn hạn. Chi phí biên là chi phí tăng thêm để sản xuất tăng thêm một đơn vị sản phẩm Q , hoặc kết quả tỷ lệ tiền lương và số lượng lao động được sử dụng để sản xuất sản phẩm đó.

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- Hiệu suất biên giảm dần hàm ý sự gia tăng chi phí biên.
- Khi tăng thêm 1 đơn vị sản phẩm, Q cần gia tăng nhiều lao động kéo theo chi phí sản xuất gia tăng.

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- **Tối đa hóa lợi nhuận (*Profit maximization*)** nghĩa là tối đa chênh lệch giữa tổng thu nhập và tổng chi phí.
- Điều này xảy ra ở mức sản lượng: chi phí biên bằng thu nhập biên .

Cân bằng và phúc lợi xã hội

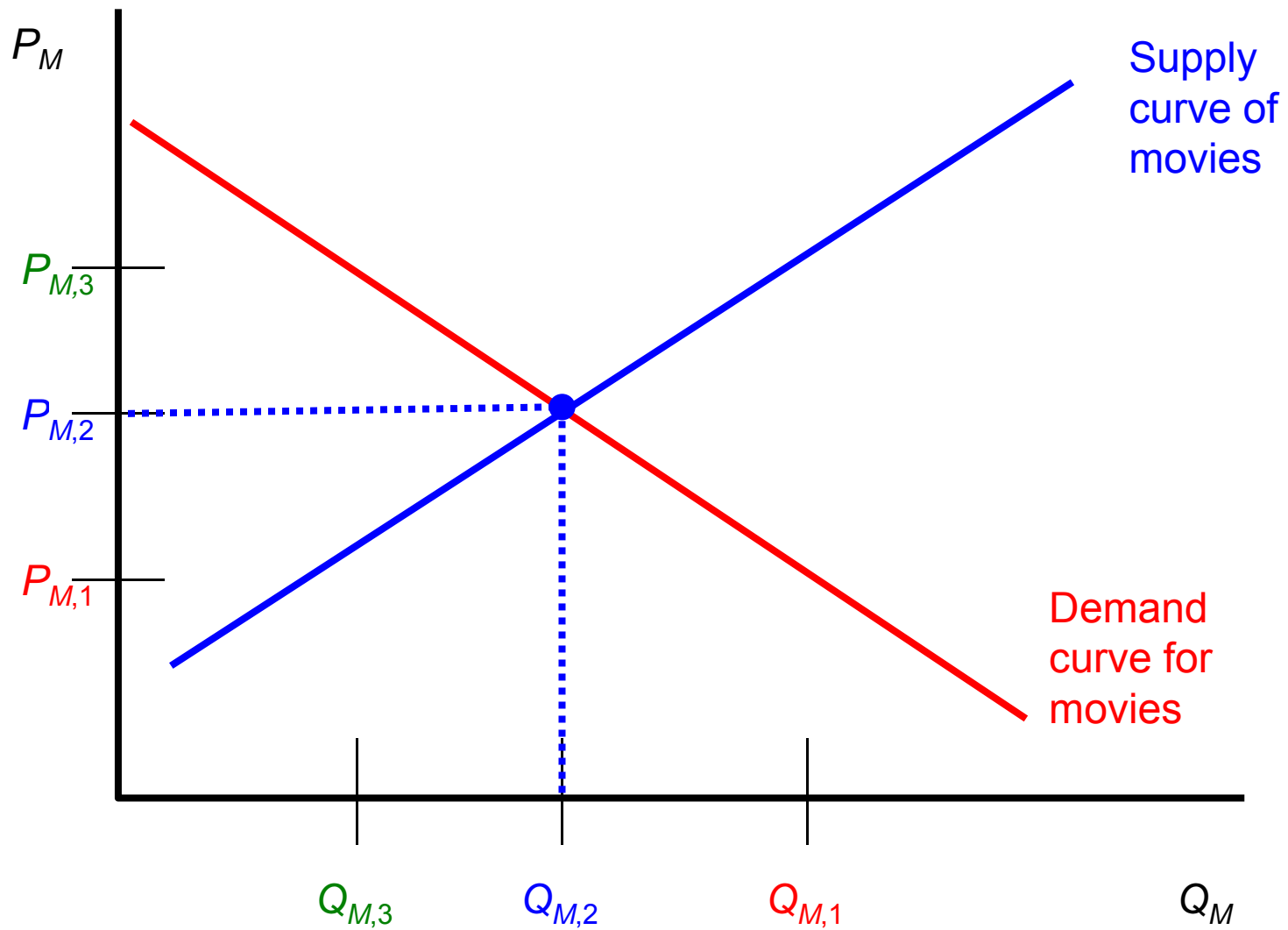
Đường cung

- Trong một thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thu nhập biên là giá cả thị trường. Vì thế công ty sản xuất cho đến khi :
 - $P = MC$.
- Vì thế đường cong MC là đường cung .

Cân bằng và phúc lợi xã hội

Đường cung

- Tại điểm cân bằng, chúng ta chúng ta xác định tổng cầu và tổng cung .
- Cân bằng cạnh tranh nói lên điểm tại đó cả người tiêu dùng và người cung ứng đều thỏa mãn mức giá và sản lượng.
- **Hình 21** minh chứng điều đó.



Hình 21 Cân bằng cung cầu xã hội

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

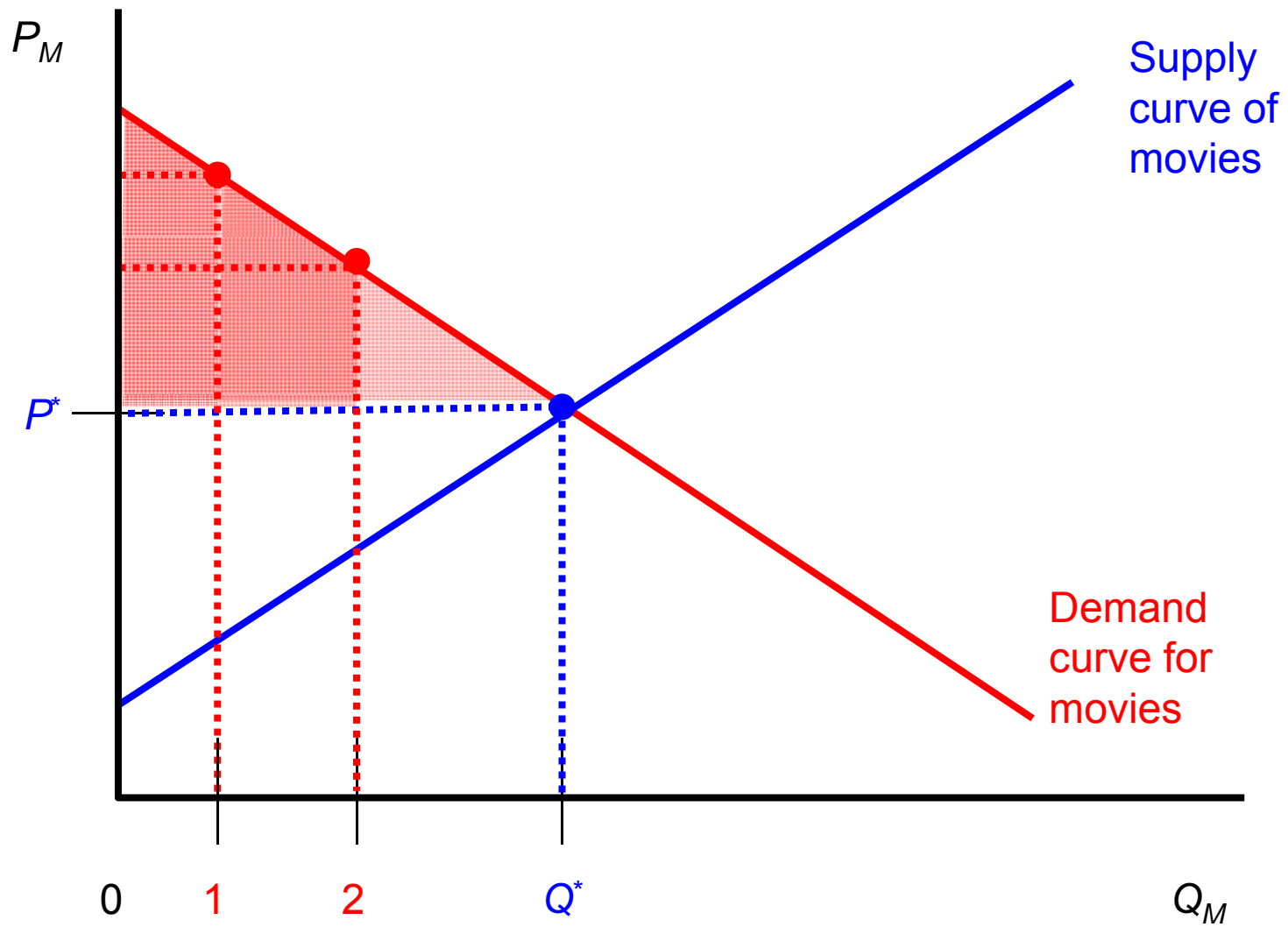
Hiệu quả xã hội

- Đo lường hiệu quả xã hội (*social efficiency*) là tính toán quy mô tiềm năng của chiếc bánh kinh tế.
- => Phản ánh mức lợi thuần phát sinh từ việc thương mại giữa người tiêu dùng và người sản xuất.

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Hiệu quả xã hội

- *Thặng dư tiêu dùng (Consumer surplus) là lợi ích mà người tiêu dùng nhận được từ việc tiêu dùng hàng hóa, vượt quá số tiền mà họ thanh toán.*
- Mỗi một điểm trên đường cầu thể hiện tính sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng để có được một lượng hàng hóa nhất định.
- **Hình 22** minh chứng điều đó.

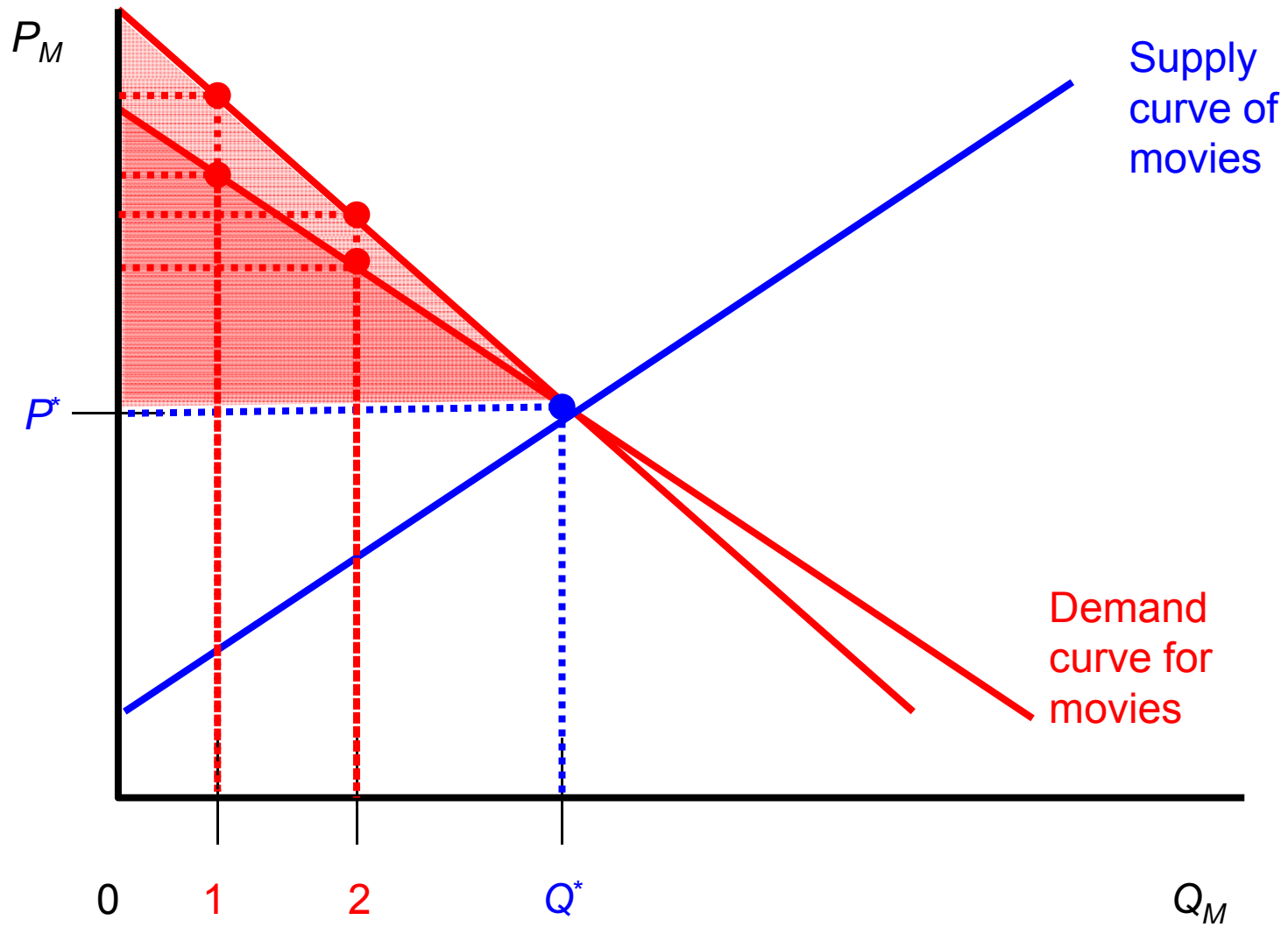


Hình 22 Thặng dư người tiêu dùng

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Hiệu quả xã hội

- Thặng dư tiêu dùng được quyết định bởi giá thị trường và độ co giãn cầu :
 - Nếu cầu không co giãn, đường cầu thẳng đứng thì thặng dư cao hơn .
 - Nếu cầu co giãn, thặng dư thấp hơn .
- **Hình 23** minh chứng điều đó.

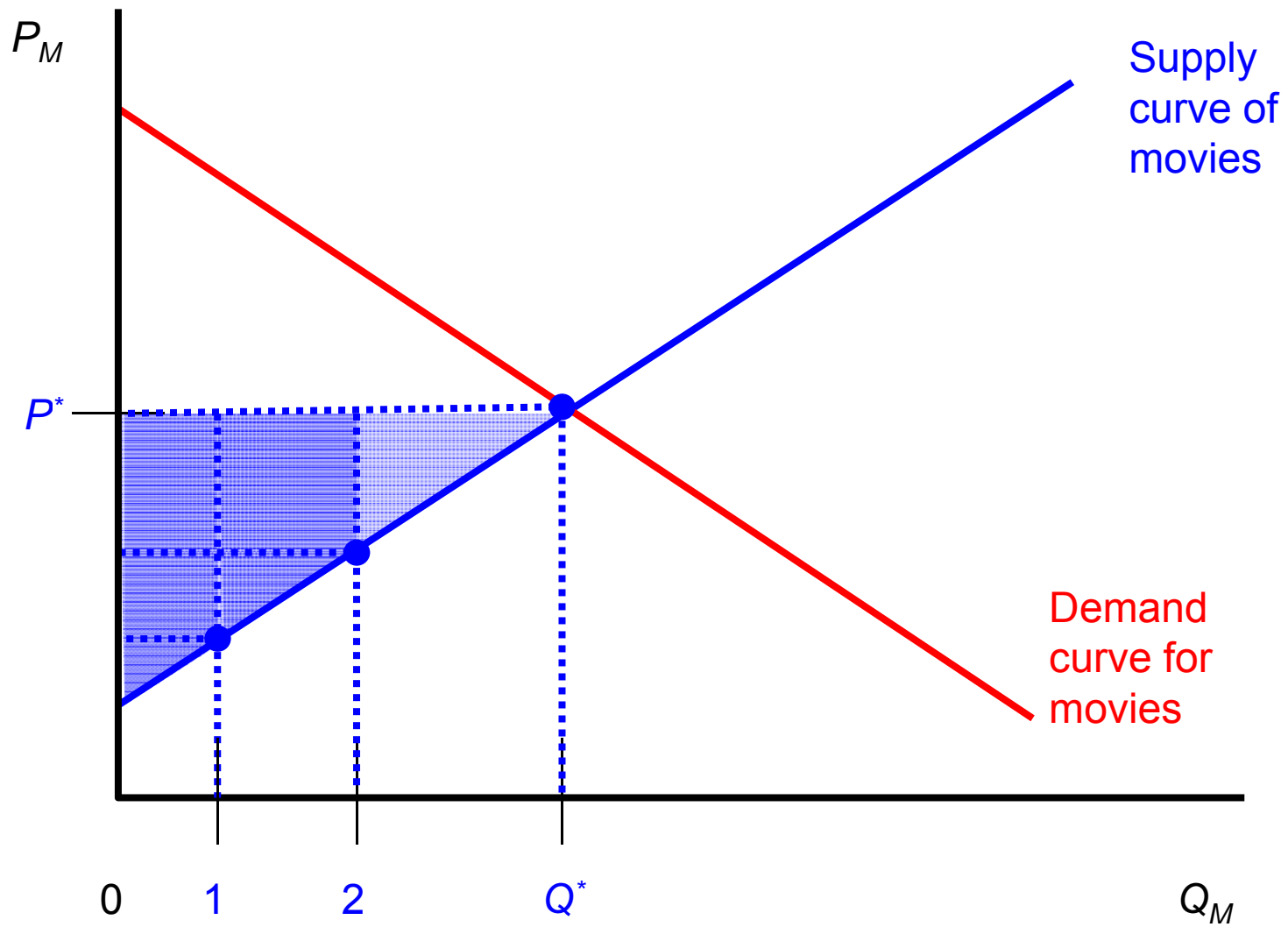


Hình 23 Thặng dư tiêu dùng và cầu không co giãn

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Hiệu quả xã hội

- *Thặng dư người sản xuất (Producer surplus) là lợi nhuận thu được từ việc bán sản phẩm vượt quá so với chi phí .*
- Mỗi một điểm trên đường cung phản ánh chi phí biên sản xuất sản phẩm .
- **Hình 24** minh chứng điều đó.



Hình 24 Thặng dư người sản xuất

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

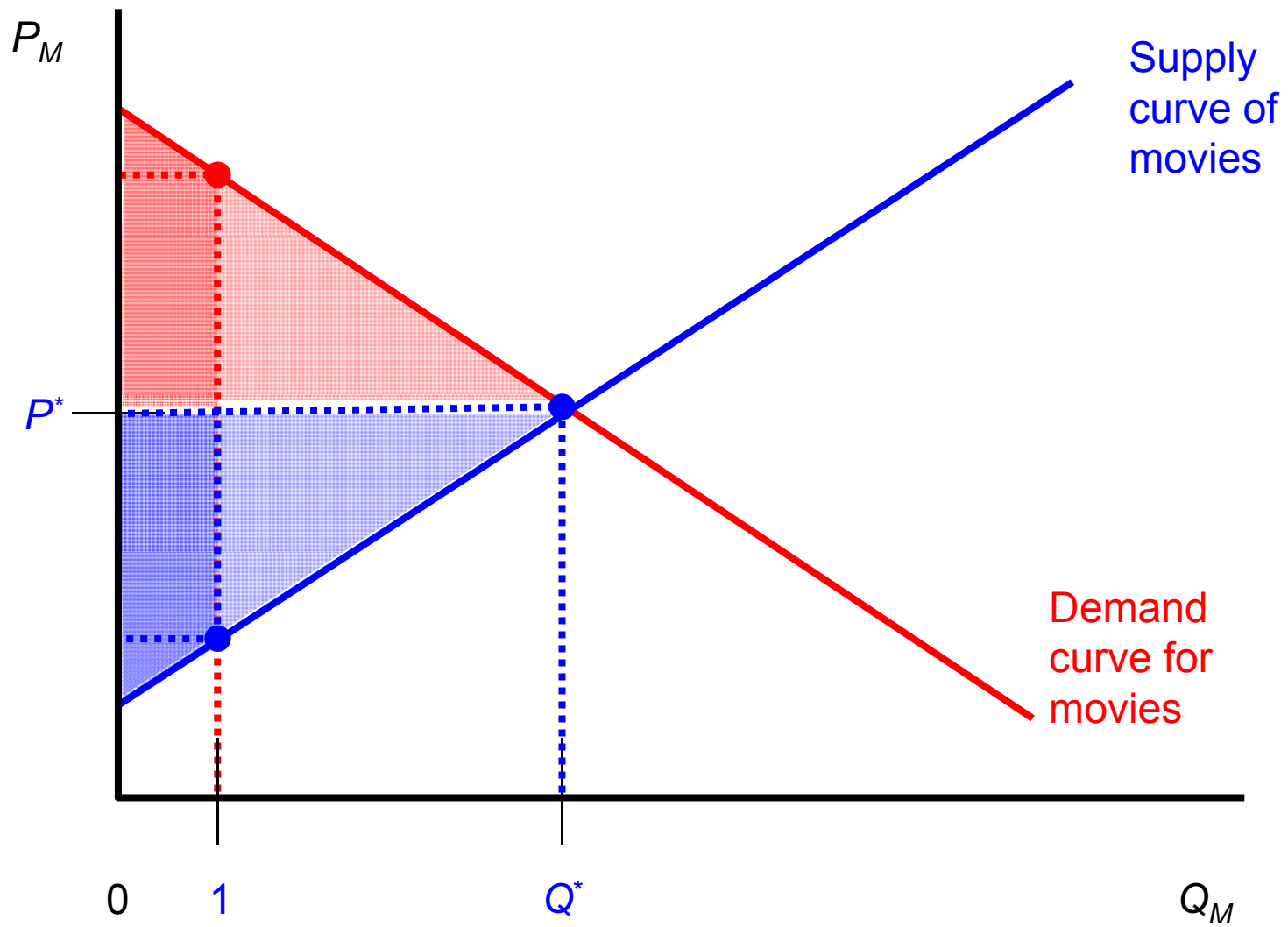
Hiệu quả xã hội

- Tương tự như thặng dư tiêu dùng, thặng dư sản xuất được quyết định bởi giá thị trường và co giãn cung .
 - Cung không co giãn, đường cung càng thẳng đứng thì thặng dư người sản xuất càng cao .
 - Cung co giãn, thì thặng dư người sản xuất thấp .

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Hiệu quả xã hội

- Tổng thặng dư xã hội hay gọi là hiệu quả xã hội là tổng thặng dư người sản xuất và người tiêu dùng .
- **Hình 25** minh chứng điều đó.

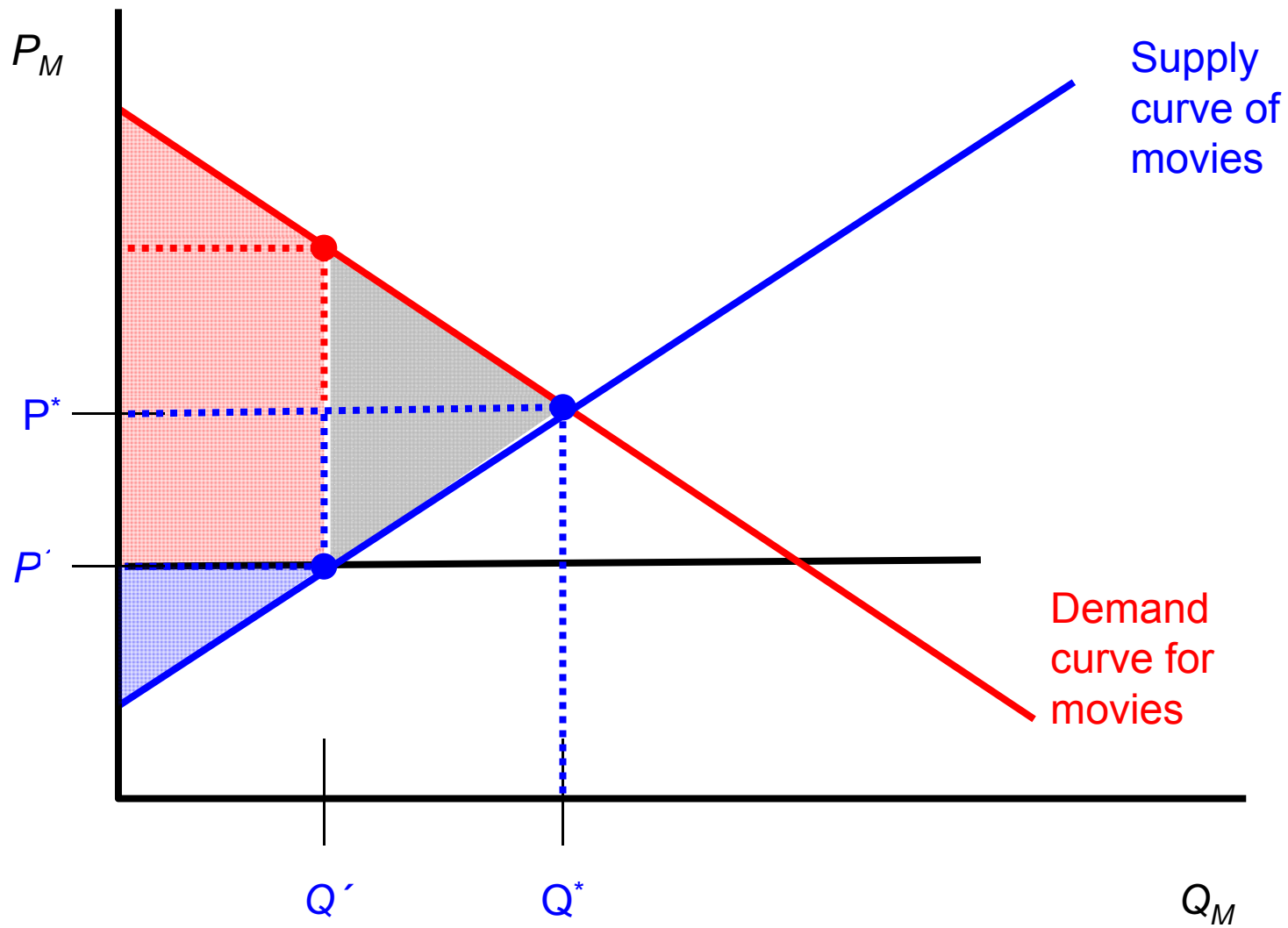


Hình 25 Thặng dư xã hội

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Cạnh tranh làm tối đa hóa phúc lợi xã hội

- Định lý cơ bản thứ nhất của kinh tế học phúc lợi cho rằng trong điều kiện cân bằng cạnh tranh, ở đó cung cầu bằng nhau thì tối đa hóa hiệu quả xã hội .
- Bất kỳ số lượng nào khác Q^* đều làm giảm hiệu quả xã hội hoặc quy mô chiếc bánh kinh tế .
- Hãy xem xét sự giới hạn giá cả hàng hóa $P' < P^*$.
- **Hình 26** minh chứng điều đó.



Hình 26 **Tổn thất từ kiểm soát giá sàn**

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Cạnh tranh làm tối đa hóa phúc lợi xã hội

- Bất kỳ một chính sách kiểm soát giá đều tạo ra sự mất trắng/tồn thất, làm giảm hiệu quả xã hội do số lượng thấp hơn mức cân bằng cạnh tranh .

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Vai trò công bằng

- Xã hội thường không chỉ quan tâm: thặng dư có bao nhiêu mà còn quan tâm sự phân phối như thế nào trong công chúng .
- ***Phúc lợi xã hội được quyết định bởi 2 chỉ tiêu .***
- Định lý cơ bản thứ hai phát biểu: xã hội có thể đạt được bất kỳ kết quả hiệu quả nào bằng việc tái phân phối hợp lý nguồn lực và tự do thương mại
 - Thực tế, xã hội thường phải đương đầu với việc đánh đổi giữa hiệu quả và công bằng .

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Vai trò công bằng

- Sự đánh đổi công bằng và hiệu quả được thể hiện qua mô hình hàm phúc lợi xã hội (*Social Welfare Function*).
- Trong đó phản ánh tất cả thỏa dụng cá nhân vào trong tổng thể hàm thỏa dụng xã hội .

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Vai trò công bằng

- Hàm phúc lợi xã hội theo thuyết vị lợi (The *utilitarian* social welfare function) là:

$$SWF = \sum_i U_i$$

- Thỏa dụng của các cá nhân là những trọng số như nhau .
- Hàm ý là: chính phủ nên chuyển giao từ người 1 đến người thứ 2 với điều kiện phần thỏa dụng thu được của người thứ 2 lớn hơn phần mất đi của người thứ nhất .

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Vai trò công bằng

- Hàm phúc lợi xã hội theo thuyết vị lợi (SWF) nhấn mạnh đến mức thỏa dụng, chứ không phải là dollars.

CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Vai trò công bằng

- Hàm phúc lợi xã hội theo thuyết vị lợi (SWF) tối đa hóa khi thỏa dụng biên của các cá nhân bằng nhau :

$$MU_1 = MU_2 = \dots = MU_i$$

- Vì thế, xã hội nên tái phân phối tái phân phối từ người giàu đến người nghèo nếu như thỏa dụng biên của đồng \$ kế tiếp của người nghèo cao hơn người giàu .

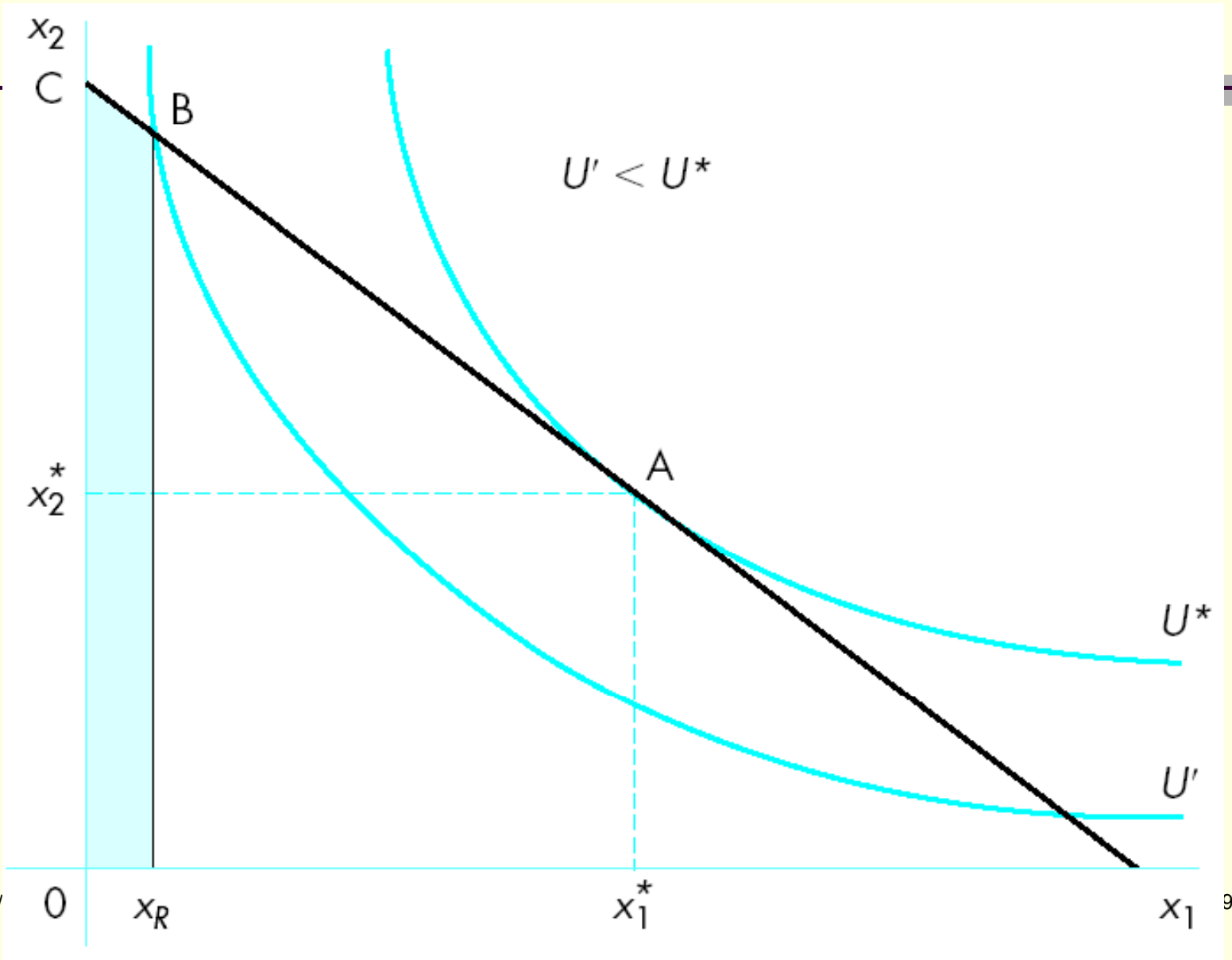
CÂN BẰNG VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Vai trò công bằng

- Hàm phúc lợi xã hội theo thuyết Raw (*Rawlsian* social welfare function) là:

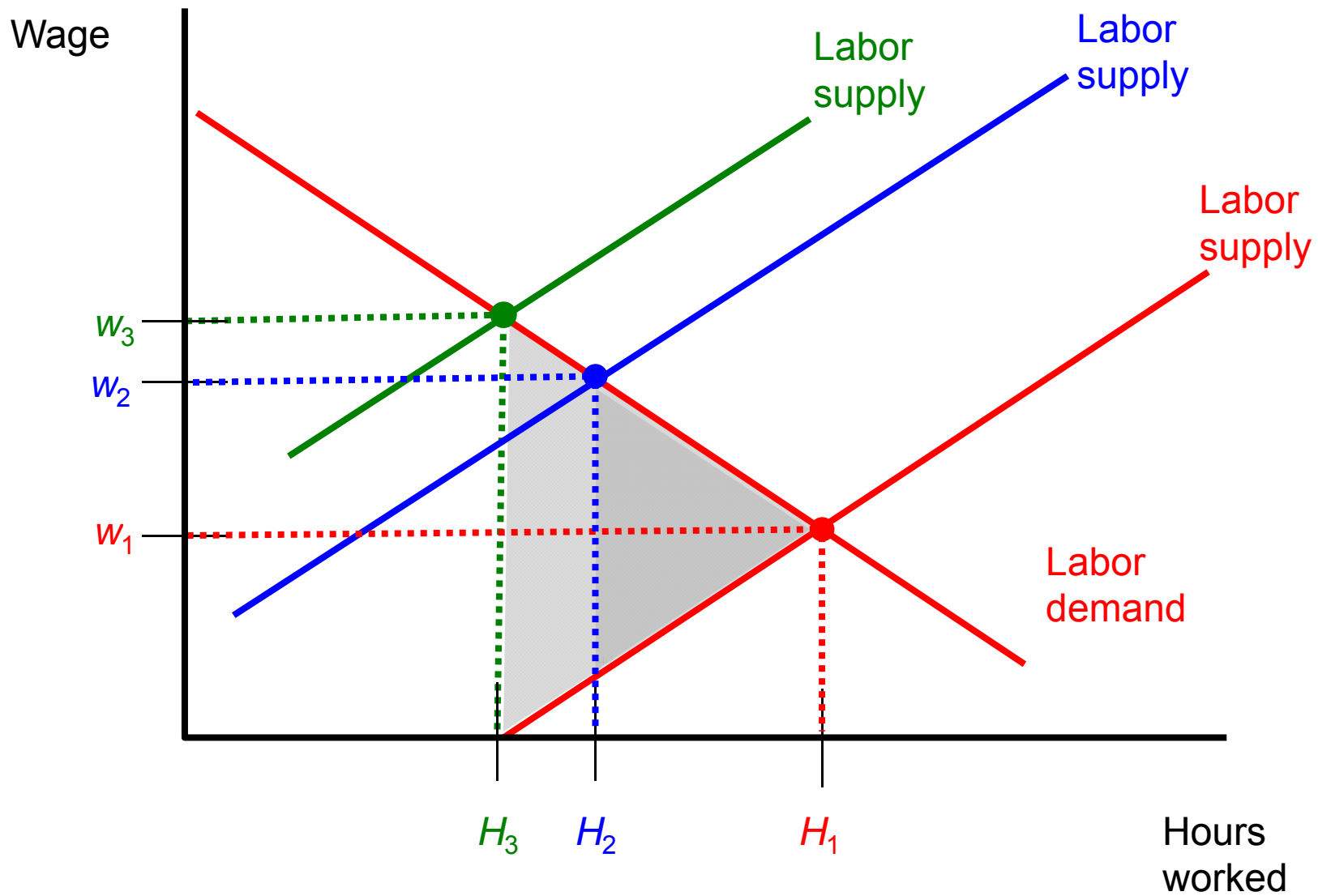
$$SWF = \min(U_1, U_2, \dots, U_N)$$

- Phúc lợi xã hội được tối đa hóa bằng việc tối đa hóa phúc lợi của người có mức sống thấp nhất trong xã hội .
- Điều này gợi lên: tính tái phân phối hơn là hàm phúc lợi xã hội theo thuyết vị lợi .



TANF (tt)

- Xem xét tính hiệu quả và công bằng trong chương trình TANF.
- Trong khuôn khổ cung lao động/cầu lao động, những thay đổi trợ cấp làm dịch chuyển đường cung lao động đối với các cá nhân nhận trợ cấp.
- **Hình 27** minh chứng điều đó.



Hình 27 Cân bằng thị trường lao động

TANF (tt)

- Những chính sách khác nhau liên quan đến diện tích tam giác mất trắng khác nhau và khác nhau mức độ tái phân phối thu nhập cho người nghèo .
- SWF giúp cho chính phủ ra quyết định chính sách đúng hơn .